

CHƯƠNG 4: THUẾ QUAN- MỘT HÌNH THỨC HẠN CHẾ THƯƠNG MẠI

Chương 5: Các hàng rào TM phi thuế quan &
các khía cạnh kinh tế của CSTM



Nội dung chính

1. Thuế quan



2. Các hàng rào thương mại phi thuế quan



Nội dung chính: Thuế quan

- ◆ 1. Các loại thuế quan
- ◆ 2. Đo lường mức độ của thuế quan
- ◆ 3. Phân tích tác động của thuế quan trong trường hợp nước nhỏ
- ◆ 4. Phân tích tác động của thuế quan trong trường hợp nước lớn
- ◆ 5. Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả với nhiều yếu tố đầu vào
- ◆ 6. Thuế quan tối ưu

Nội dung chính – Hàng rào phi thuế quan

1

Hạn ngạch

2

Hạn chế xuất khẩu tự nguyện

3

Các quy định kỹ thuật, hành chính

4

Các-tên quốc tế

5

Bán phá giá

6

Trợ cấp xuất khẩu

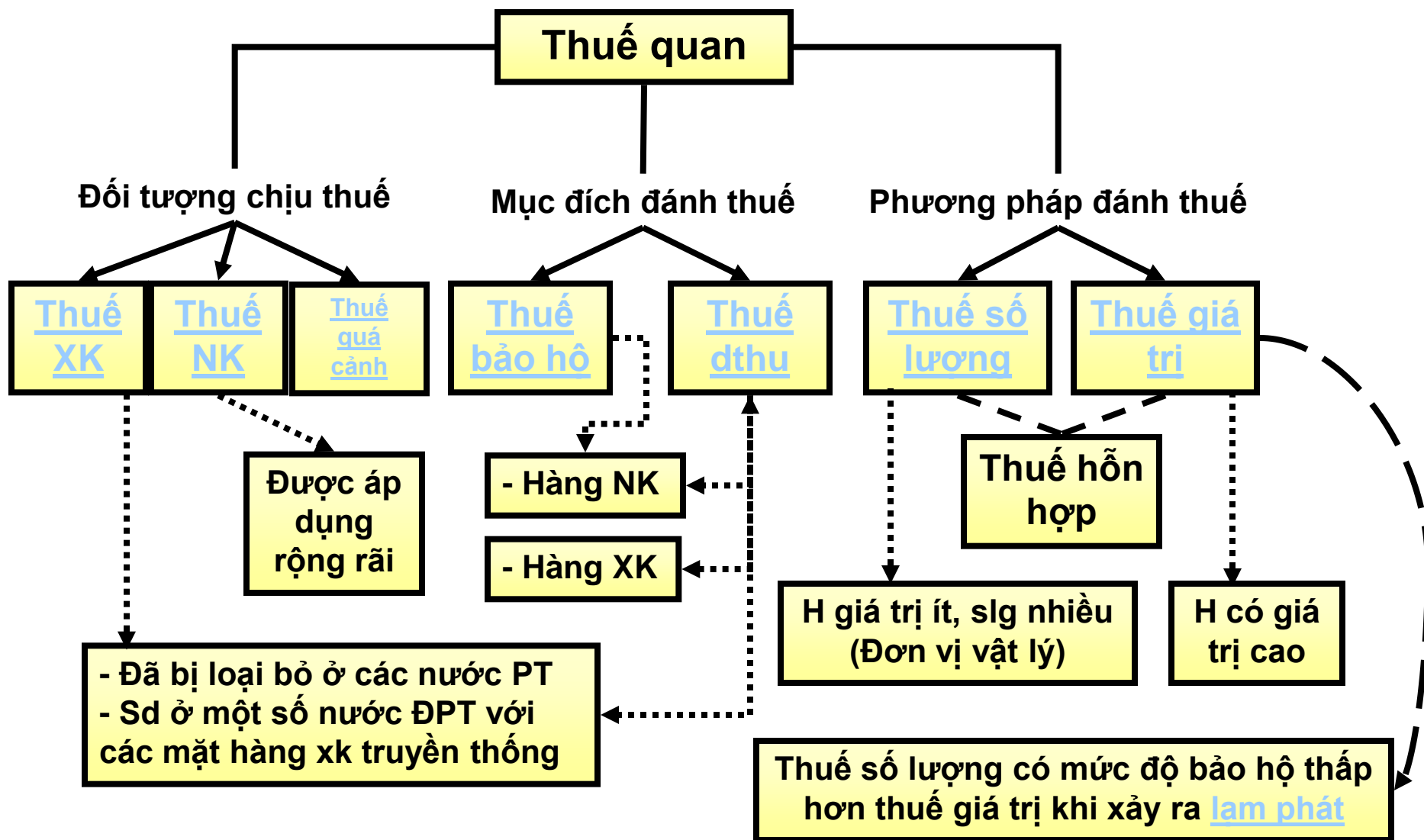


THUẾ QUAN

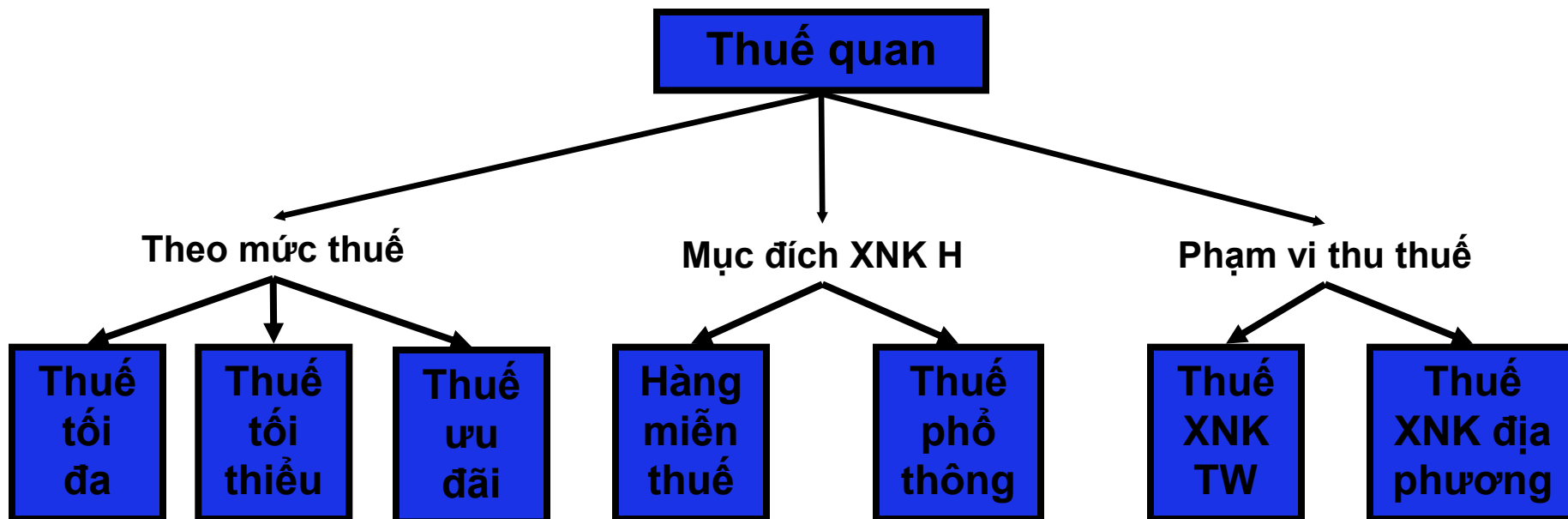
Khái niệm chung

- ❖ Thuế quan là một loại thuế đánh vào hàng hóa khi nó được vận chuyển xuyên qua biên giới quốc gia
- ❖ Thuế quan là một loại thuế đánh vào mỗi đơn vị hàng hoá xuất khẩu hay nhập khẩu của một quốc gia.
- ❖ Chú ý:
 - Thuế quan bao gồm cả thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu
 - Là thuế gián thu
 - Thuế quan làm giảm sự cạnh tranh của hàng hoá xuất nhập khẩu
 - Lưu ý: thuế tại các khu chế xuất

Phân loại thuế quan



Phân loại thuế quan (tiếp)



Biểu thuế quan

- Biểu thuế quan đơn: mỗi loại hàng chỉ có một mức thuế
- Biểu thuế quan kép: mỗi loại hàng có thể có từ hai mức thuế trở lên

Phân loại thuế quan – Một số loại thuế đặc biệt

❖ Chế độ tối huệ quốc – MFN

- ❖ 26/5/1999: Nhật Bản và Việt Nam đã dành cho nhau MFN
 - ❖ Thuế tiêu của Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản (bình quân 29 tỷ Yên/năm) giảm từ 4% xuống 1%
 - ❖ Thuế ô tô nhập khẩu từ Nhật Bản vào Việt Nam giảm từ 30% xuống 20% (thuế không ưu đãi là 60%)
- ❖ Mỹ: Đề nghị trẻ em nếu áp dụng thuế MFN là 7.4%, thuế thông thường là 38%

❖ Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập – GSP

- ❖ Các nước công nghiệp phát triển áp dụng chế độ ưu đãi về thuế (từ 0 – 3%) đối với các mặt hàng công nghiệp thành phẩm, bán thành phẩm và hàng công nghiệp chế biến nhập khẩu từ các nước chậm và đang phát triển

Thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam

❖ Thuế suất ưu đãi:

- ❖ áp dụng với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện MFN trong quan hệ thương mại với VN

❖ Thuế suất ưu đãi đặc biệt

- ❖ áp dụng với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam theo thể chế FTA, EU...

❖ *Điều kiện để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt:*

- ❖ Hàng hóa có C/O từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ đã có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam (nếu tổng giá trị lô hàng (FOB) không vượt quá 200 USD thì không phải có C/O)
- ❖ Hàng hóa nhập khẩu phải là những mặt hàng được quy định cụ thể trong thỏa thuận và phải đáp ứng đủ các điều kiện đã ghi trong thỏa thuận
- ❖ C/O phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về xuất xứ hàng hóa

Thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam (tiếp)

❖ Thuế suất thông thường

- ❖ Áp dụng với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không thực hiện MFN và không thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nk với Việt Nam.
- ❖ Thuế suất thông thường được áp dụng thống nhất bằng 150% mức thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Nguồn: website Tổng cục Hải quan

Đo lường mức độ bảo hộ của thuế quan

❖ Tỷ lệ thuế quan trung bình không cân đo (R_1)

Mặt hàng	A	B	C
Thuế suất (%)	10	15	20
Giá trị NK (nghìn \$)	500	200	100

❖ $R_1 = (10 + 15 + 20)/3 = 15\%$

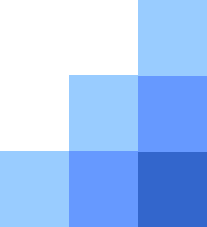
❖ Không tính toán đến tầm quan trọng của hàng hóa nhập khẩu

Đo lường mức độ bảo hộ của thuế quan (tiếp)

❖ Tỷ lệ thuế quan trung bình không cân đo (R2)

Mặt hàng	A	B	C
Thuế suất (%)	10	15	20
Giá trị NK (nghìn \$)	500	200	100

$$\text{❖ } R_2 = (10 \times 500 + 15 \times 200 + 20 \times 100) / (500 + 200 + 100) = 12.5\%$$



Tác động của thuế quan nhập khẩu trong trường hợp nước nhỏ

❖ Nước nhỏ

- Thuế quan không ảnh hưởng đến giá thế giới
- Chấp nhận giá

❖ Ngành bị đánh thuế là ngành nhỏ

- Thuế không ảnh hưởng đến các ngành khác trong nền kinh tế

Tác động đến sản xuất, tiêu dùng, thương mại và giá cả của thuế nhập khẩu

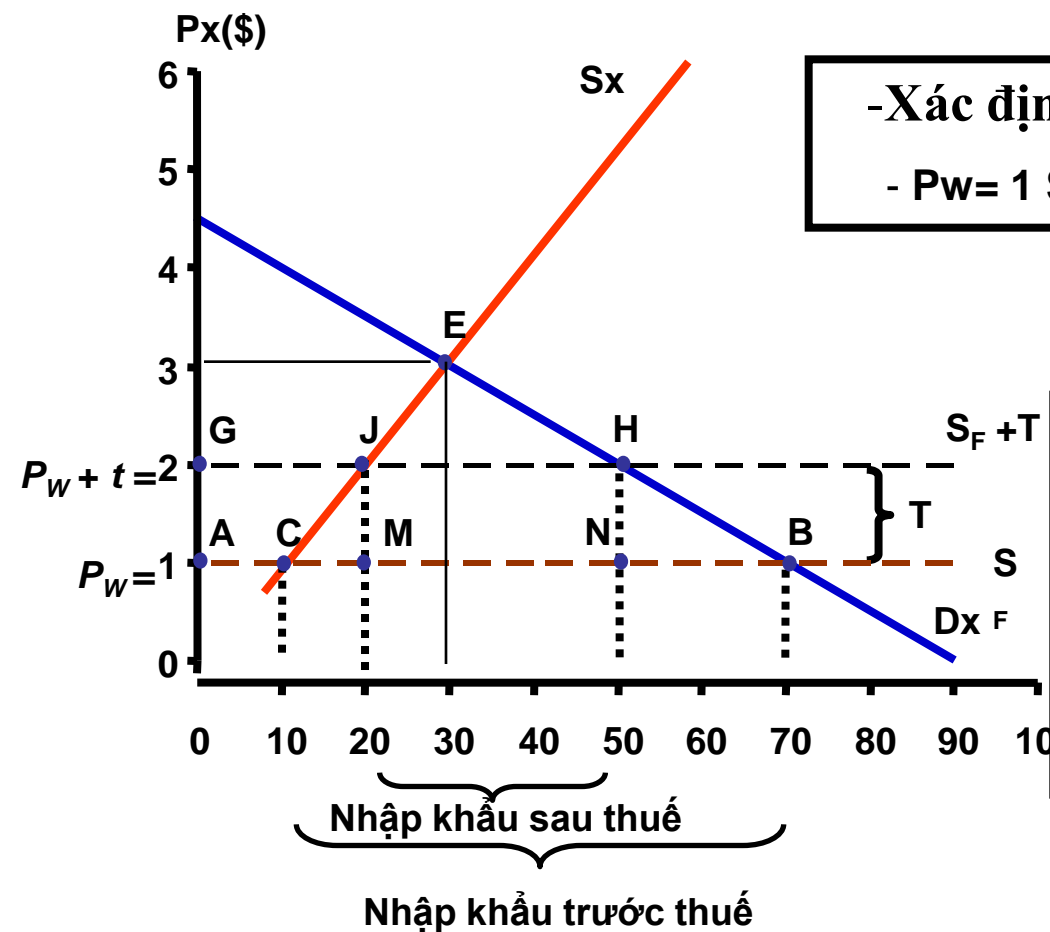
Xác định P_X , Q_D , Q_S và Q_I trong trường hợp không có thương mại ?

$$P_X > P_W$$

- Xác định P_X , P_W , Q_D , Q_S và Q_I khi TM tự do?
- $P_X = P_W = 1\$$, $Q_D = 70X$, $Q_S = 10X$, $Q_I = 60X$

$$t = 100\%$$

- Xác định P_X , P_W , Q_D , Q_S và Q_I khi có thuế?
- $P_W = 1\$$, $P_X = 2\$$, $Q_D = 50X$, $Q_S = 20X$, $Q_I = 30X$



Tác động của thuế nhập khẩu

Đến giá

Đến tiêu dùng và sản xuất

Đến thương mại

Đến thu NSNN

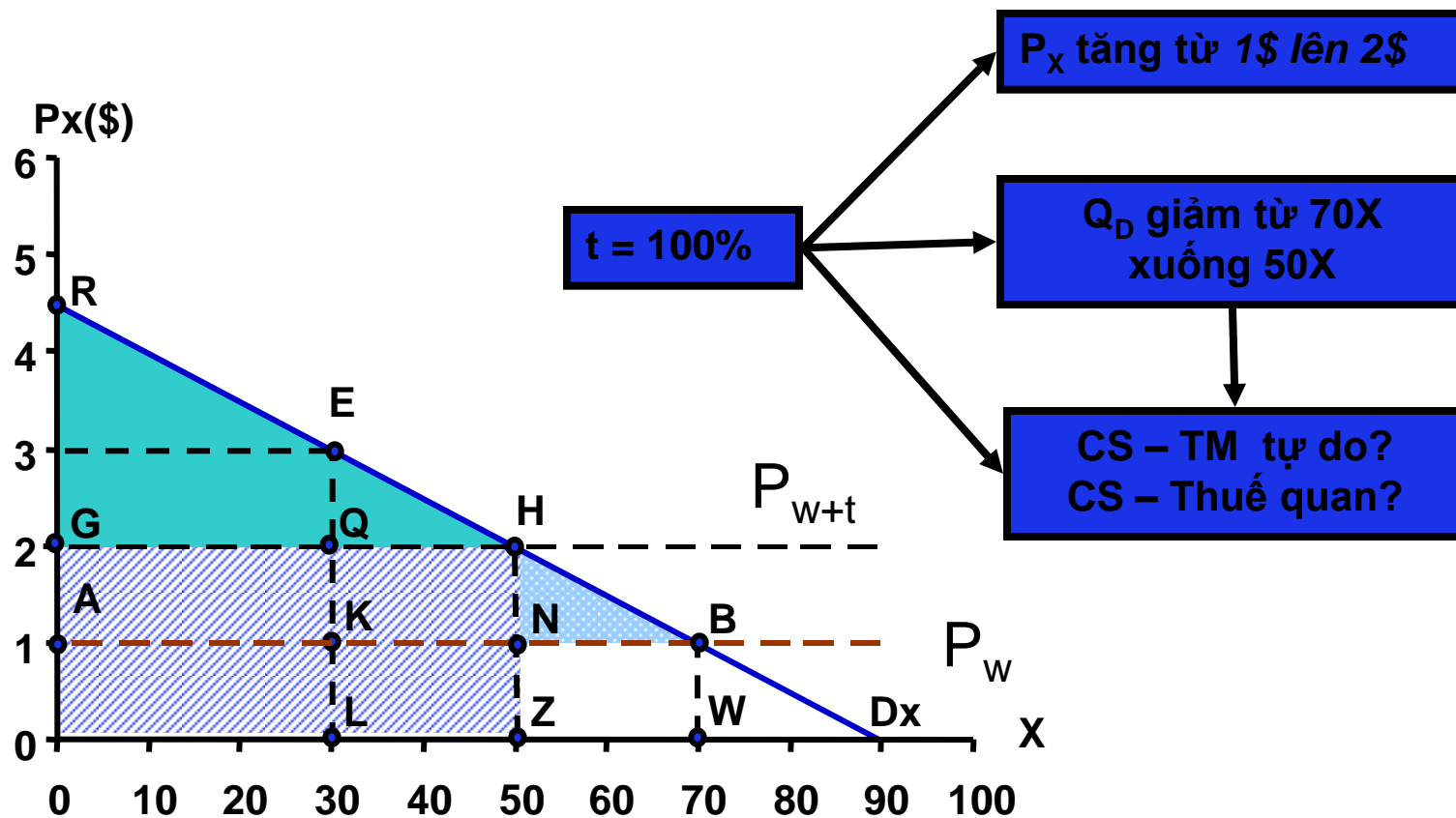
Tóm tắt tác động của thuế quan nhập khẩu đến sản xuất, tiêu dùng, thương mại và giá cả

	Không có TM	TM tự do	Thuế nhập khẩu	Tác động
Q_S	30	10	20	Tăng
Q_D	30	70	50	Giảm
Q_I	0	60	30	Giảm
P_X	3	1	2	Tăng

Tác động đến phúc lợi xã hội của thuế nhập khẩu

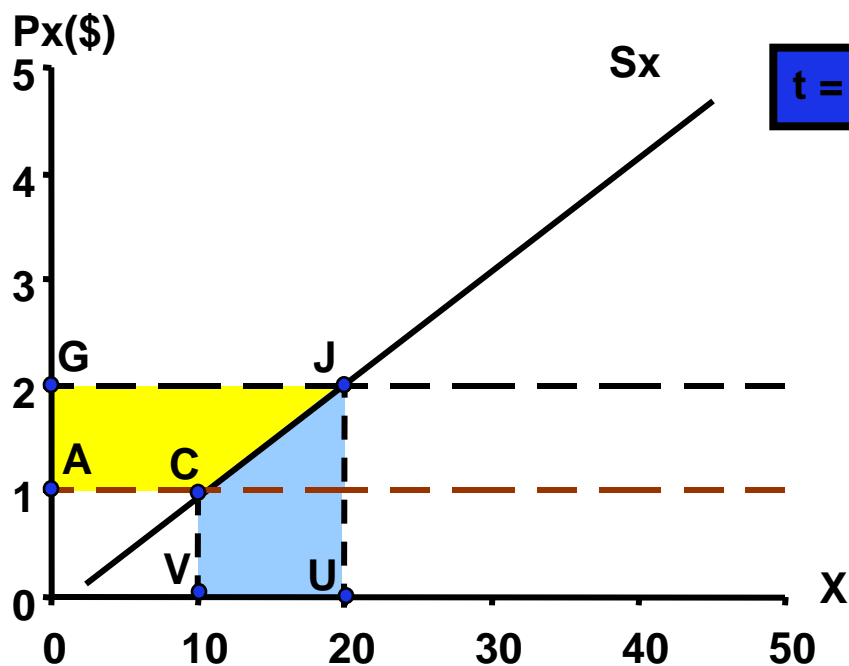
- ❖ Ai là người được lợi? Ai bị thiệt?
- ❖ Phúc lợi với người tiêu dùng:
 - Thặng dư tiêu dùng (CS)
- ❖ Phúc lợi với người sản xuất:
 - Thặng dư sản xuất (PS)
- ❖ Chính phủ
 - Doanh thu từ thuế.

Tác động của thuế nhập khẩu đến thặng dư tiêu dùng



CS giảm bằng diện tích $AGHB = 60\$$.

Tác động của thuế quan đến thặng dư sản xuất



$t = 100\%$

P_x tăng từ 1\$ lên 2\$

Q_s tăng từ 10X lên 20X

PS – TM tự do?
PS – thuế quan?

PS tăng lên bằng diện tích
 $AGJC = 15\$$.

Chi phí và lợi ích của thuế quan

$$AGHB = a+b+c+d=60\$$$

$MJHN = c = 30\$$ là
dthu của CP khi có t

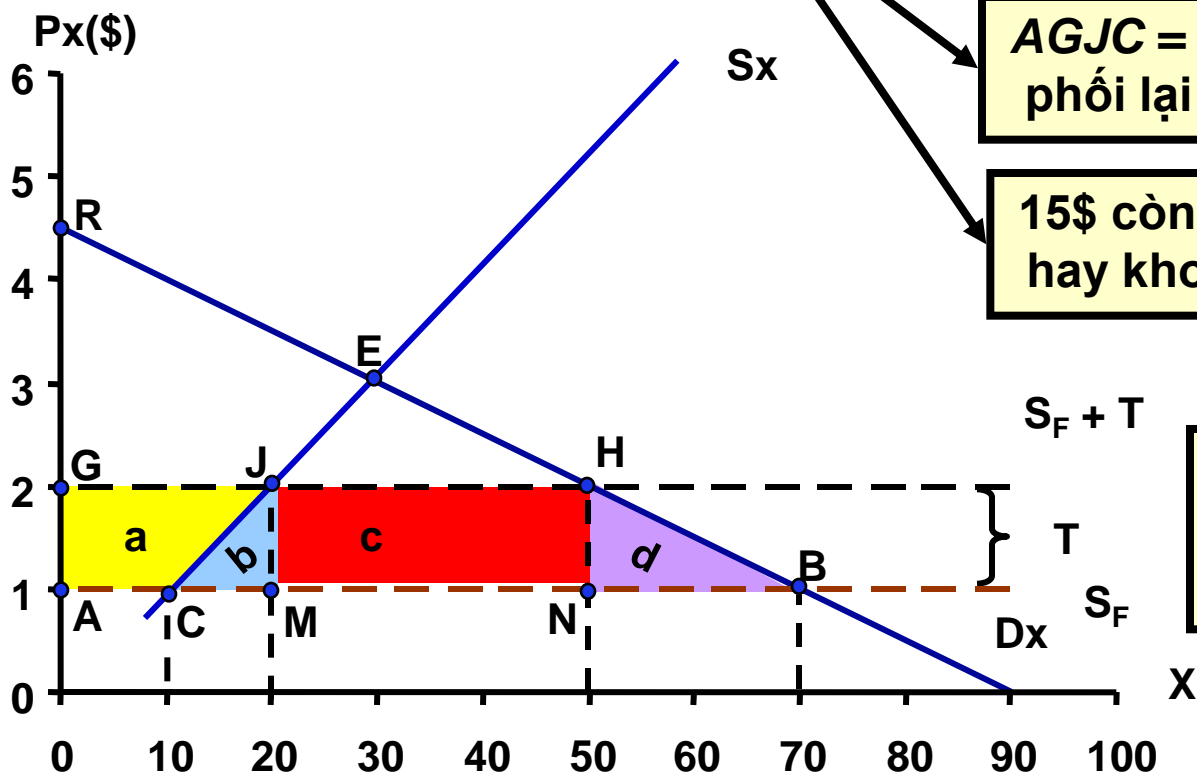
$AGJC = a = 15\$$ được phân
phối lại cho các nhà sx X

15\$ còn lại và thể hiện chi phí bảo hộ
hay khoản mất trắng của nền kinh tế

$BHN=d=10\$$
là lệch lạc
trong td

$CJM=b=5\$$
là lệch lạc
trong sx

**Thuế quan làm
giảm phúc lợi XH**



Tóm tắt tác động phúc lợi của thuế nhập khẩu

Ai được lợi? Ai bị thiệt?

❖ Được lợi

- Chính phủ $+ c$
- Người sản xuất $+ a$

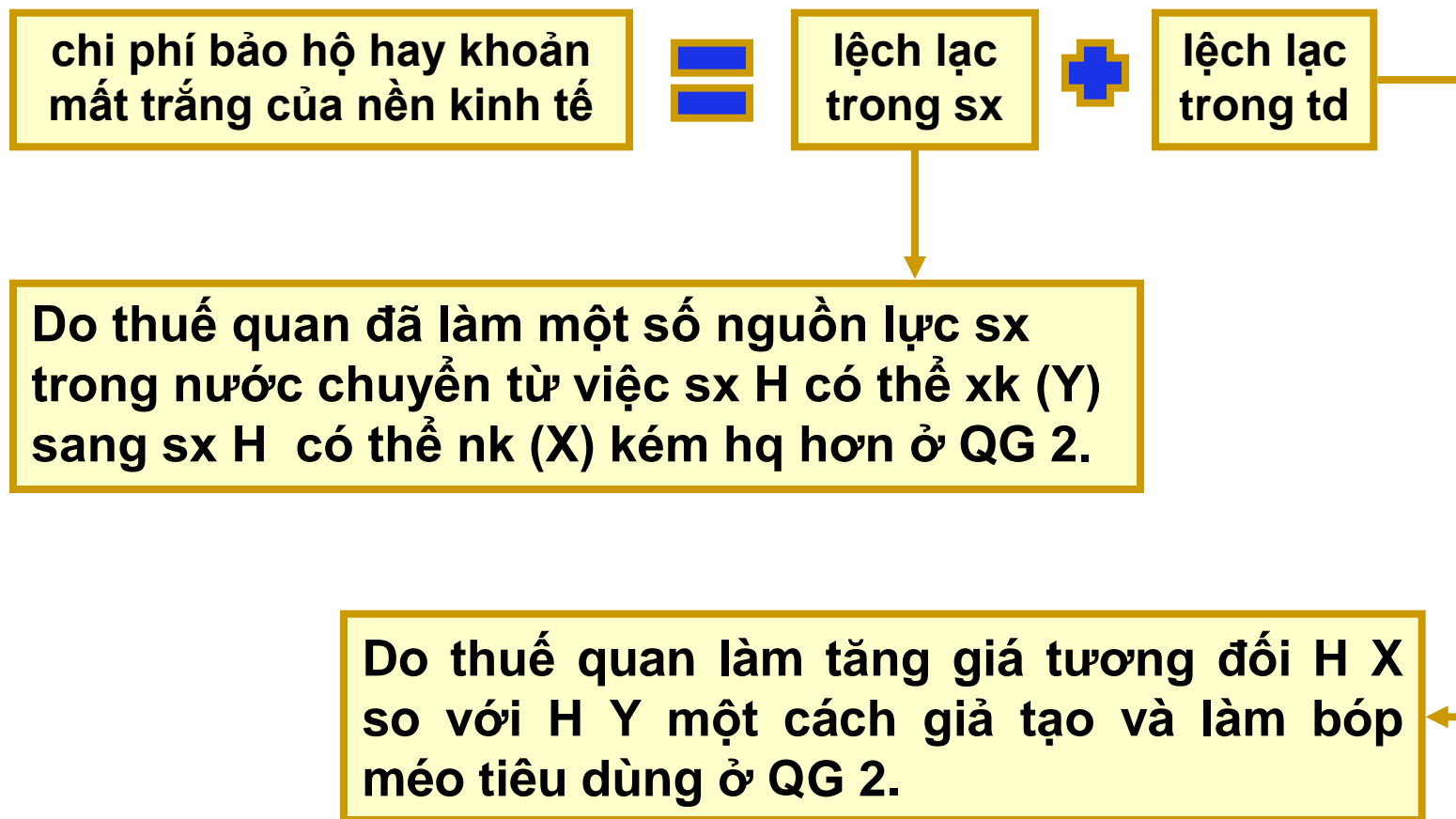
❖ Bị thiệt:


- Người tiêu dùng $- (a+b+c+d)$

❖ Phúc lợi xã hội?

- Nước nhỏ: $-(b+d)$
- $-(b+d)$ gọi là phần mất không của xã hội
- b : thiệt hại do sản xuất bị bóp méo
- c : thiệt hại do tiêu dùng bị bóp méo

Tóm tắt tác động phúc lợi của thuế nhập khẩu (tiếp)





Tác động của thuế quan nhập khẩu trong trường hợp nước lớn

Giả thiết

- ❖ Giả sử có 2 QG (1 & 2) cùng sản xuất và tiêu dùng hàng hóa X
- ❖ Khi không có thương mại, mức giá cân bằng của hàng hóa X tại QG 1 lớn hơn mức giá cân bằng của hàng hóa X tại QG 2 → hàng hóa X sẽ được di chuyển từ QG 2 sang QG 1.
- ❖ Hàng hóa X khi được xuất khẩu từ QG 2 sang QG 1 sẽ khiến mức giá của nó tăng ở QG 2 và giảm ở QG 1 cho đến khi không còn sự khác biệt về giá giữa 2 QG.

Đường cung xuất khẩu và đường cầu nhập khẩu

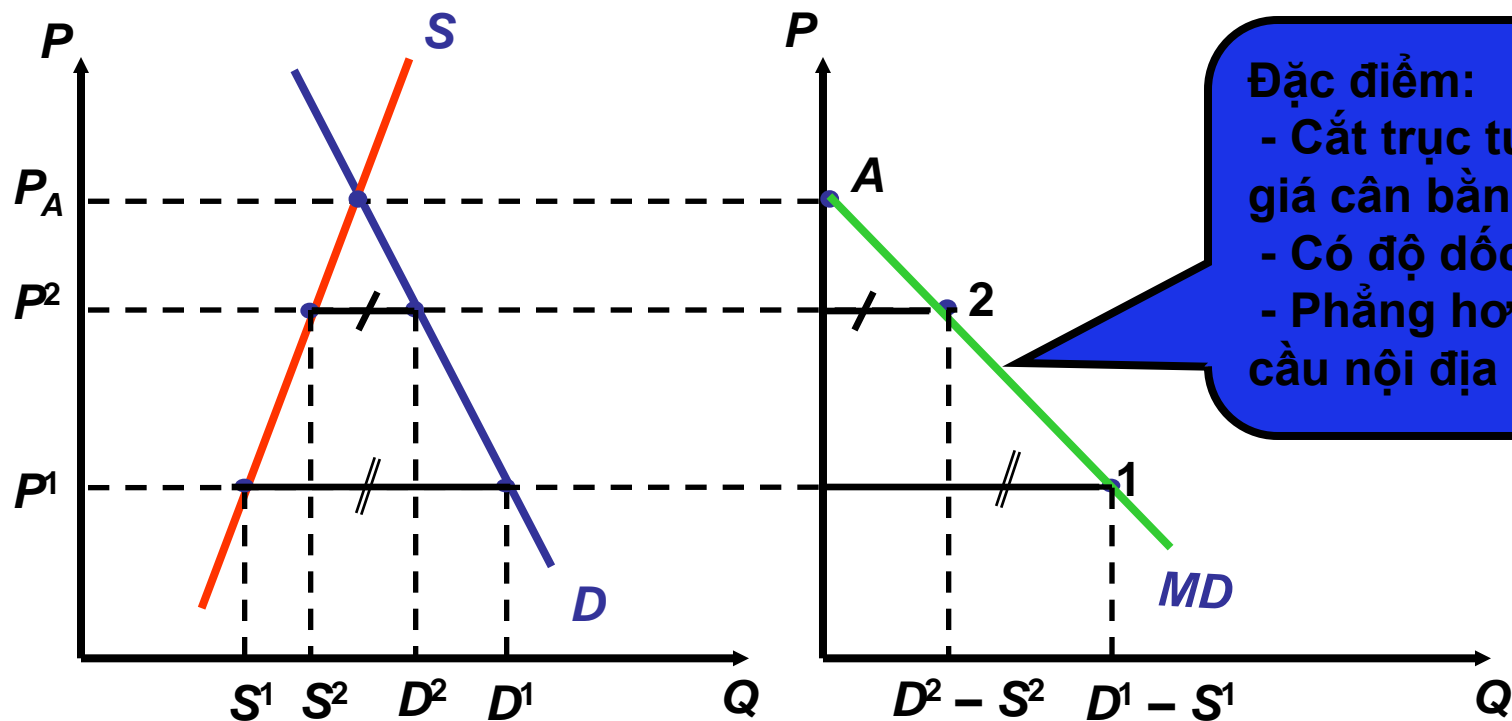
❖ Đường cầu nhập khẩu của QG 1

- ❖ Thể hiện số lượng nhập khẩu tối đa mà QG 1 mong muốn tại mỗi mức giá nhập khẩu
- ❖ Nhu cầu NK = chênh lệch giữa nhu cầu tiêu dùng và mức sản xuất của QG 1 $\rightarrow MD = D_P - S_P$

❖ Đường cung xuất khẩu của QG 2

- ❖ Thể hiện số lượng xuất khẩu tối đa mà QG 2 mong muốn tại mỗi mức giá xuất khẩu
- ❖ Nhu cầu XK = chênh lệch giữa mức cung trong nước và nhu cầu tiêu dùng của QG 2 $\rightarrow XS = S_{P^*} - D_{P^*}$

Đường cầu nhập khẩu của QG1



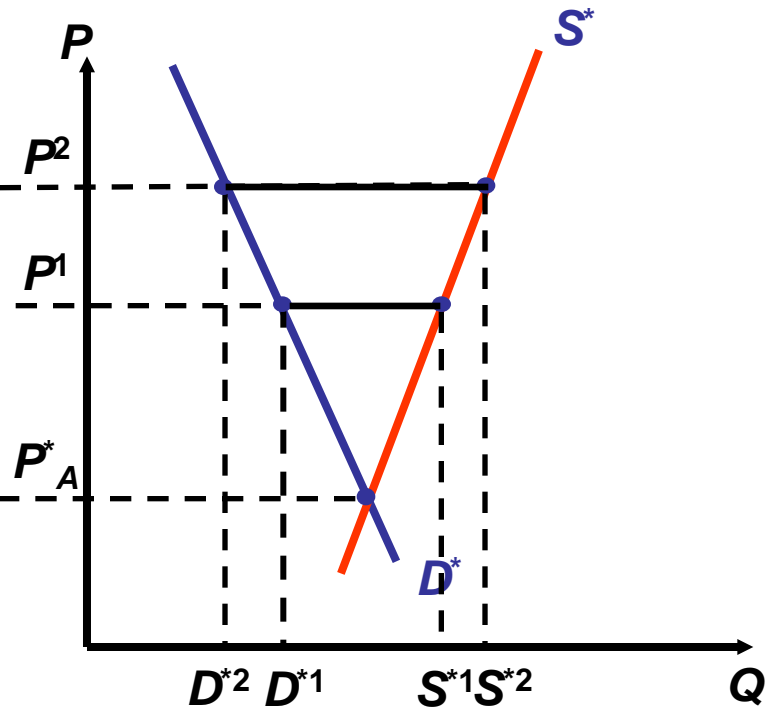
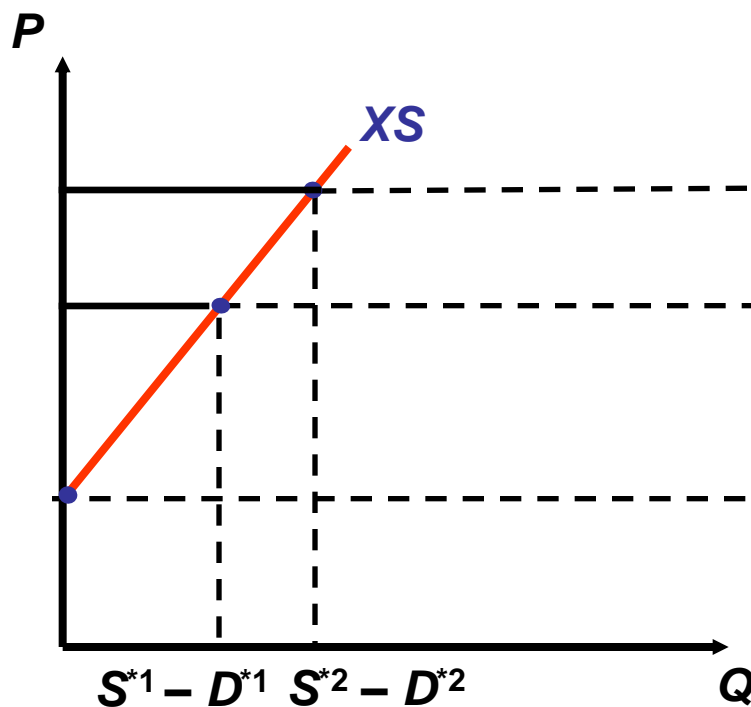
Đặc điểm:

- Cắt trục tung tại mức giá cân bằng của QG 1
- Có độ dốc xuống
- Phẳng hơn đường cầu nội địa của QG 1

Đường cung xuất khẩu của QG2

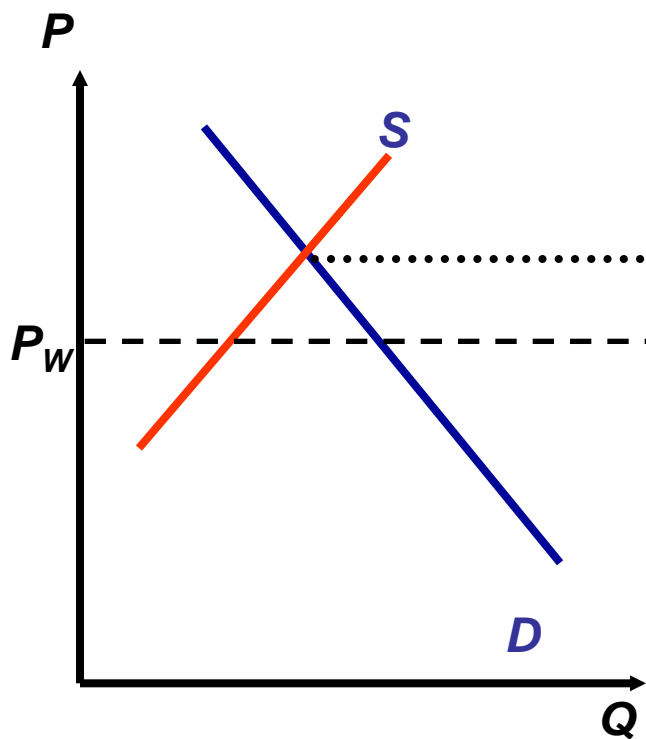
Đặc điểm:

- Cắt trục tung tại mức giá cân bằng của QG 2
- Có độ dốc lên
- Phẳng hơn đường cung nội địa của QG 2

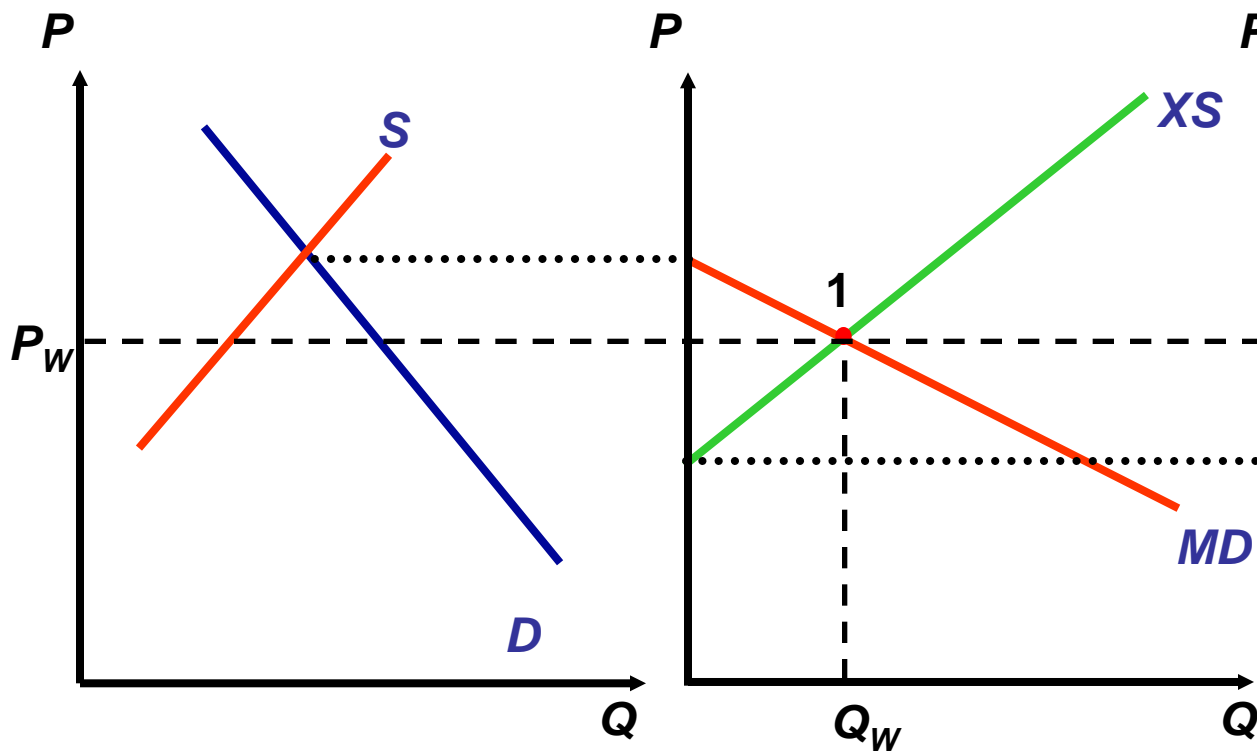


Cân bằng khi chưa có thuế quan

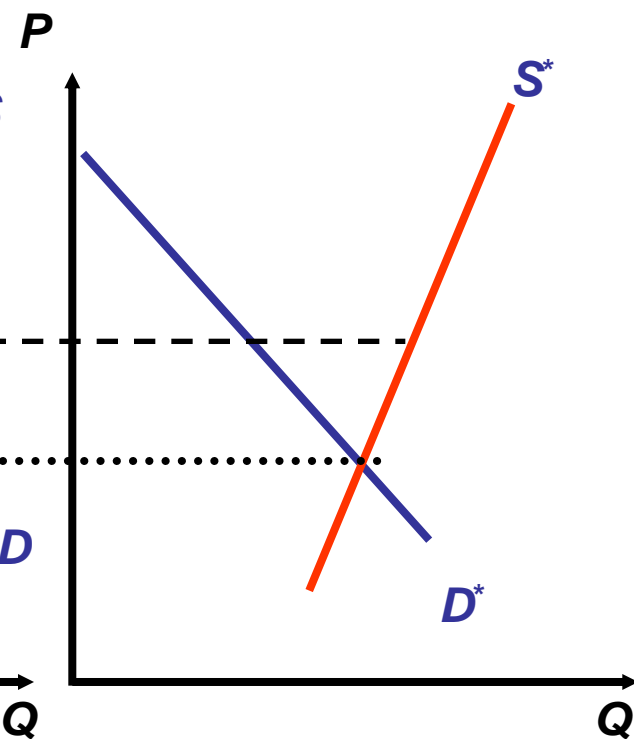
QG 1



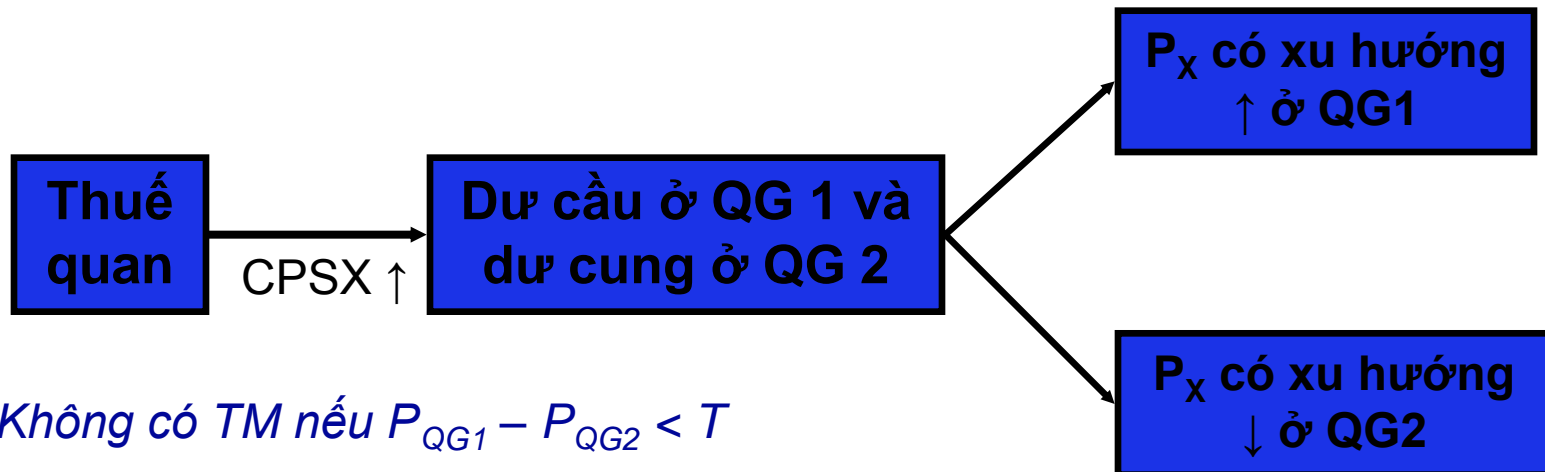
Thị trường TG



QG 2



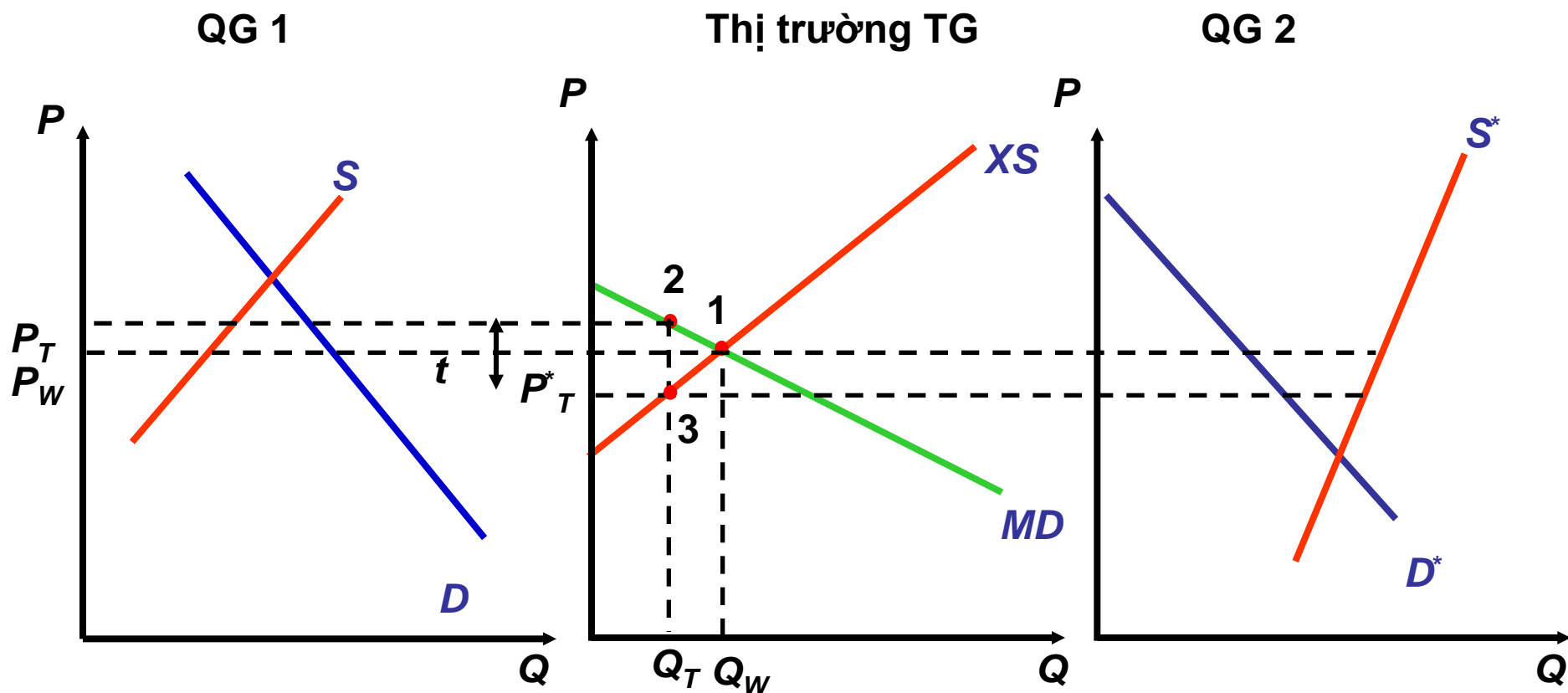
Tác động của thuế quan



$$\triangleright P_T - P_T^* = t$$

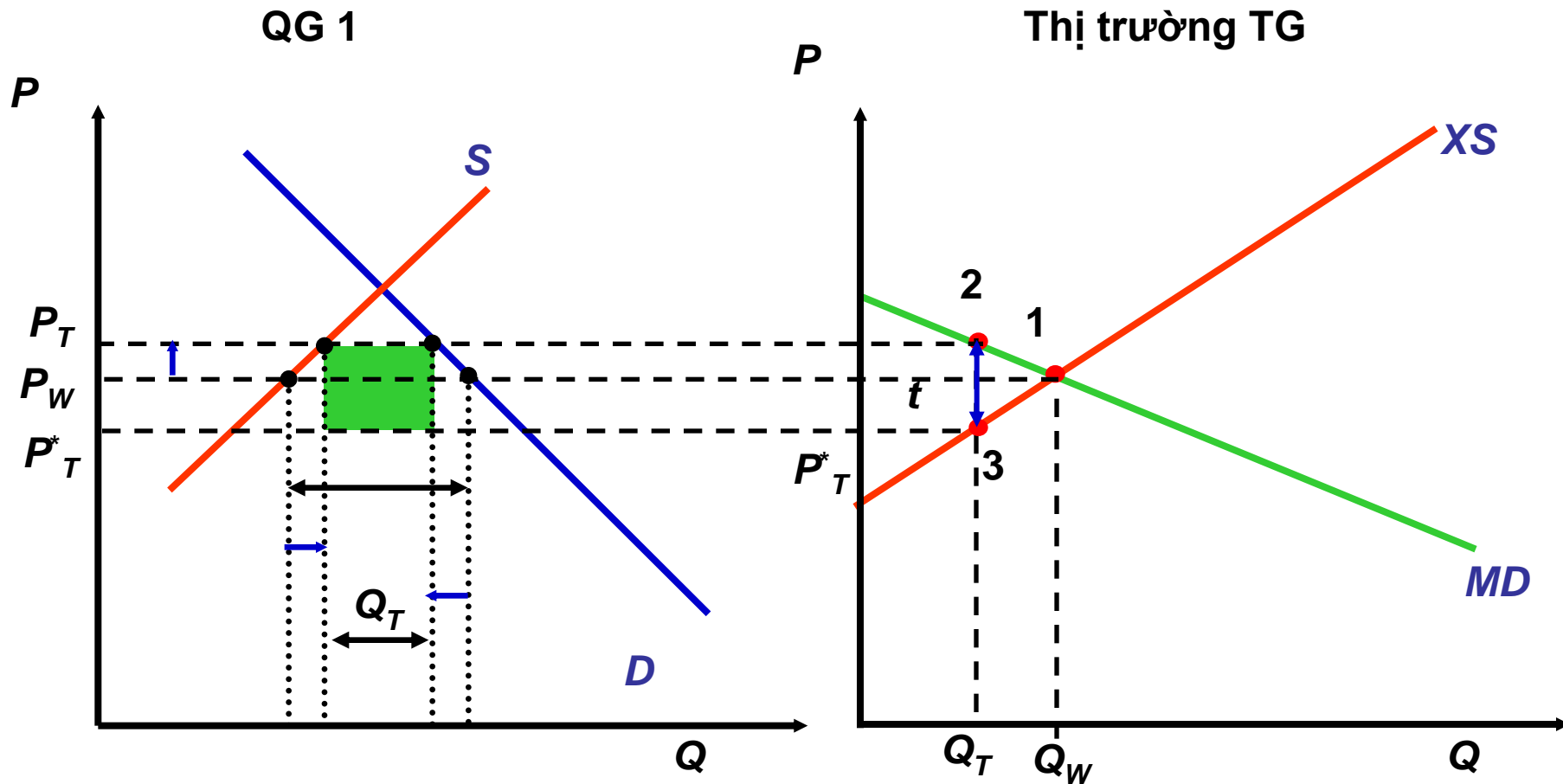
$$\triangleright P_T = P_T^* + t$$

Tác động của thuế quan (tiếp)



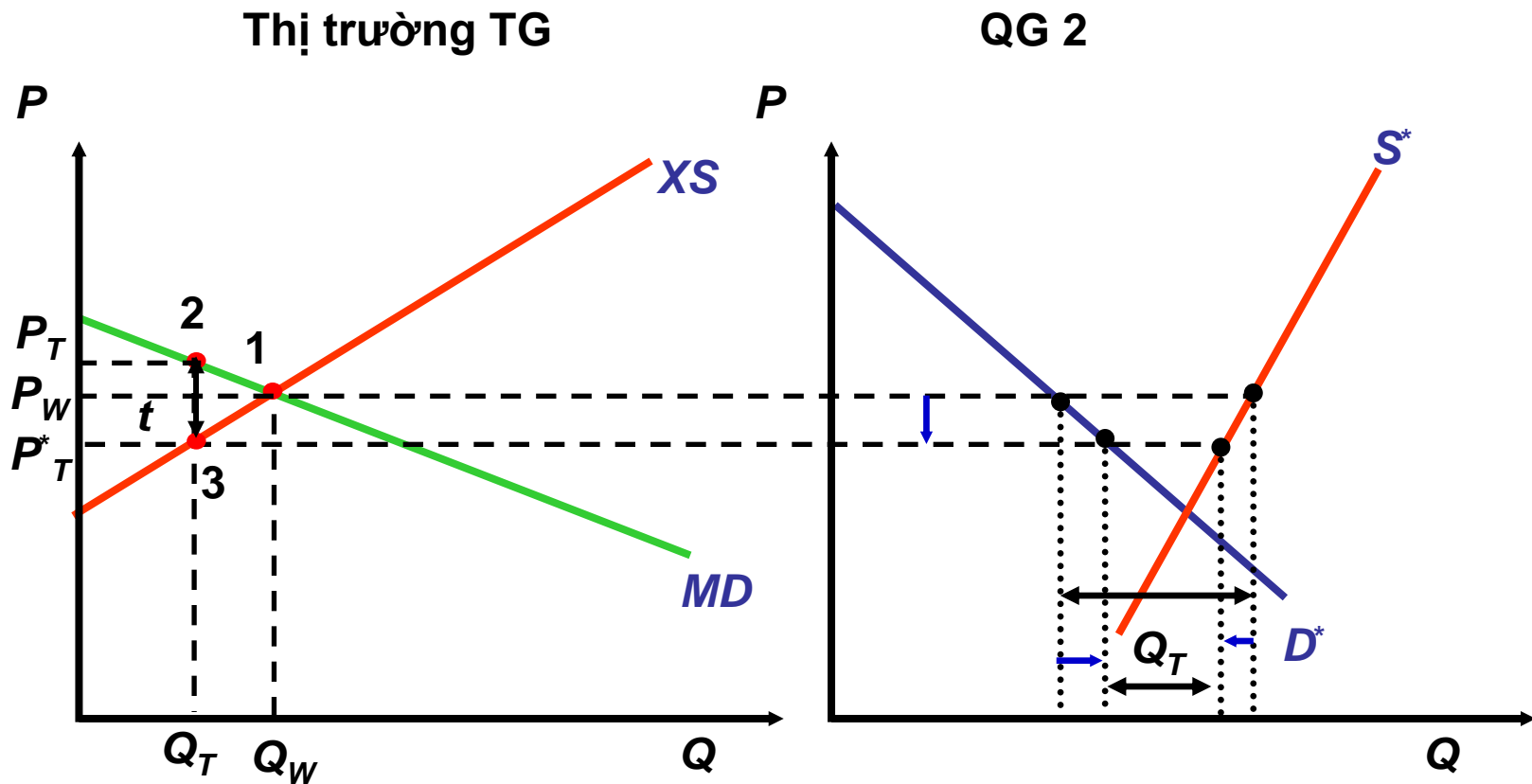
Có thuế quan, $P_{X1} \uparrow$ đến P_T và $P_{X2} \downarrow$ đến $P_T^* (= P_T - t)$

Tác động của thuế quan (tiếp)



Ở QG1: $S_x \uparrow$ và $D_x \downarrow$ bởi vì mức giá cao \rightarrow nhu cầu nk \downarrow
 $\rightarrow Q_x \downarrow$ do áp dụng thuế quan

Tác động của thuế quan (tiếp)

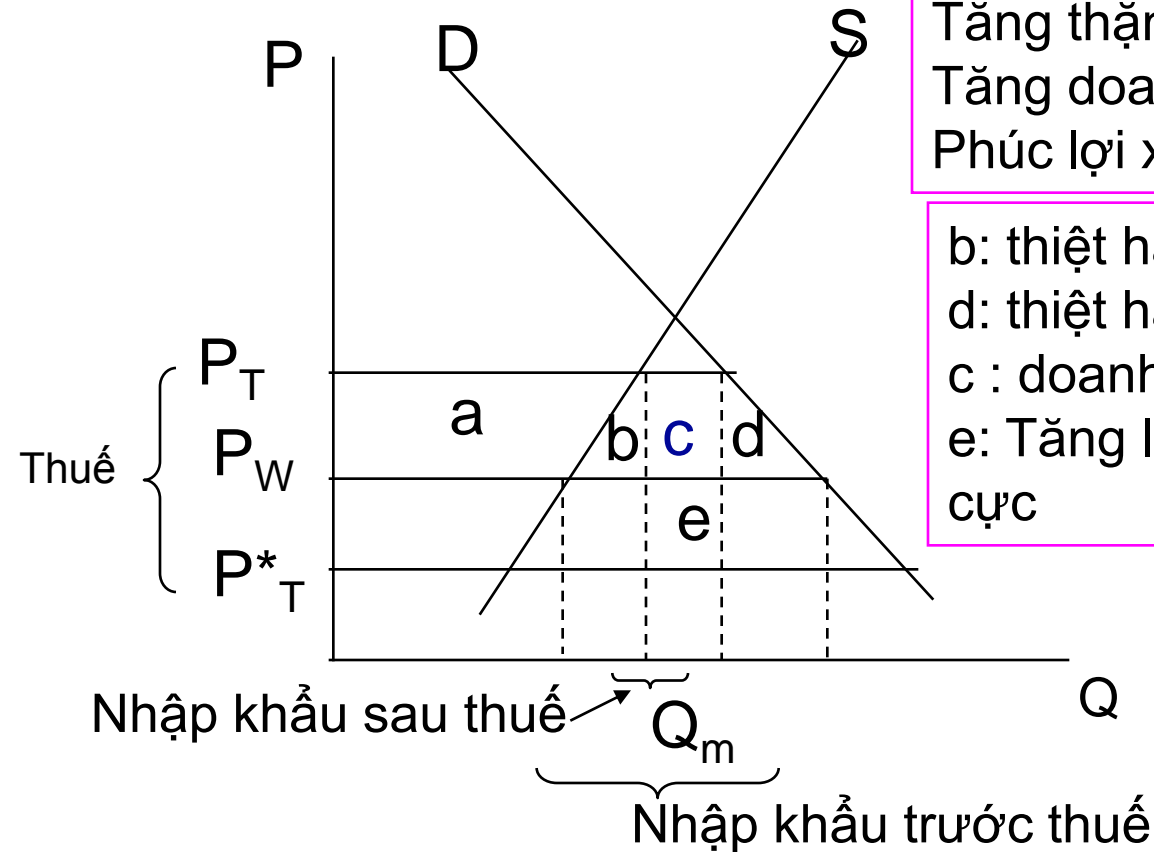


Ở QG2: $S_x \downarrow$ và $D_x \uparrow$ do mức giá $\downarrow \rightarrow$ ít hàng hóa XK hơn
 $\rightarrow Q_x \downarrow$ do áp dụng thuế quan

Tác động của thuế quan (tiếp)

- ❖ Giá hàng hóa ở nước nhập khẩu tăng lên P_T
- ❖ Giá hàng hóa ở nước xuất khẩu giảm xuống P_T^* đến khi giá hàng hóa ở hai nước bằng nhau.
- ❖ Sự tăng lên của giá hàng hóa ở nước nhập khẩu nhỏ hơn mức thuế nhập khẩu
 - $P_T - P_T^* = t$
 - $P_T = P_T^* + t$
- ❖ Lượng nhập khẩu hàng hóa X giảm

Tác động của thuế quan (tiếp)



Giảm thặng dư tiêu dùng: $a + b + c + d$

Tăng thặng dư sản xuất : a

Tăng doanh thu NSNN : $c + e$

Phúc lợi xã hội ròng: $e - (b + d)$

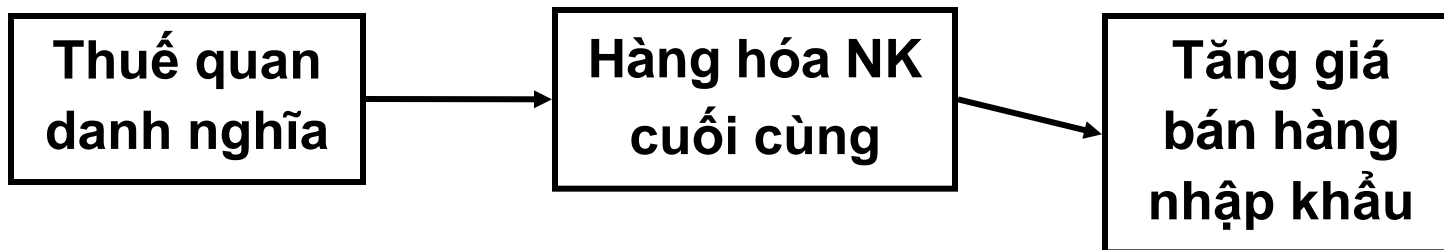
b : thiệt hại do sản xuất bị bóp méo

d : thiệt hại do tiêu dùng bị bóp méo

c : doanh thu từ thuế

e : Tăng lợi ích do TOT thay đổi tích cực

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả



Vậy mức độ bảo hộ mà các nhà sản xuất nội địa nhận được từ thuế quan là như thế nào?

**tỷ lệ bảo hộ hiệu quả
(tỷ lệ bảo hộ thực sự)**

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả



QG thường áp dụng mức thuế tự do hoặc mức thuế thấp đối với các YTSX đầu vào hơn là đối với các hàng hóa cuối cùng có thể được sản xuất bằng các yếu tố đó

khuyến khích sản xuất trong nước và tăng việc làm

Ví dụ, cho phép NK len tự do nhưng đánh thuế đối với áo len NK để khuyến khích sx áo len trong nước và tăng việc làm nội địa.

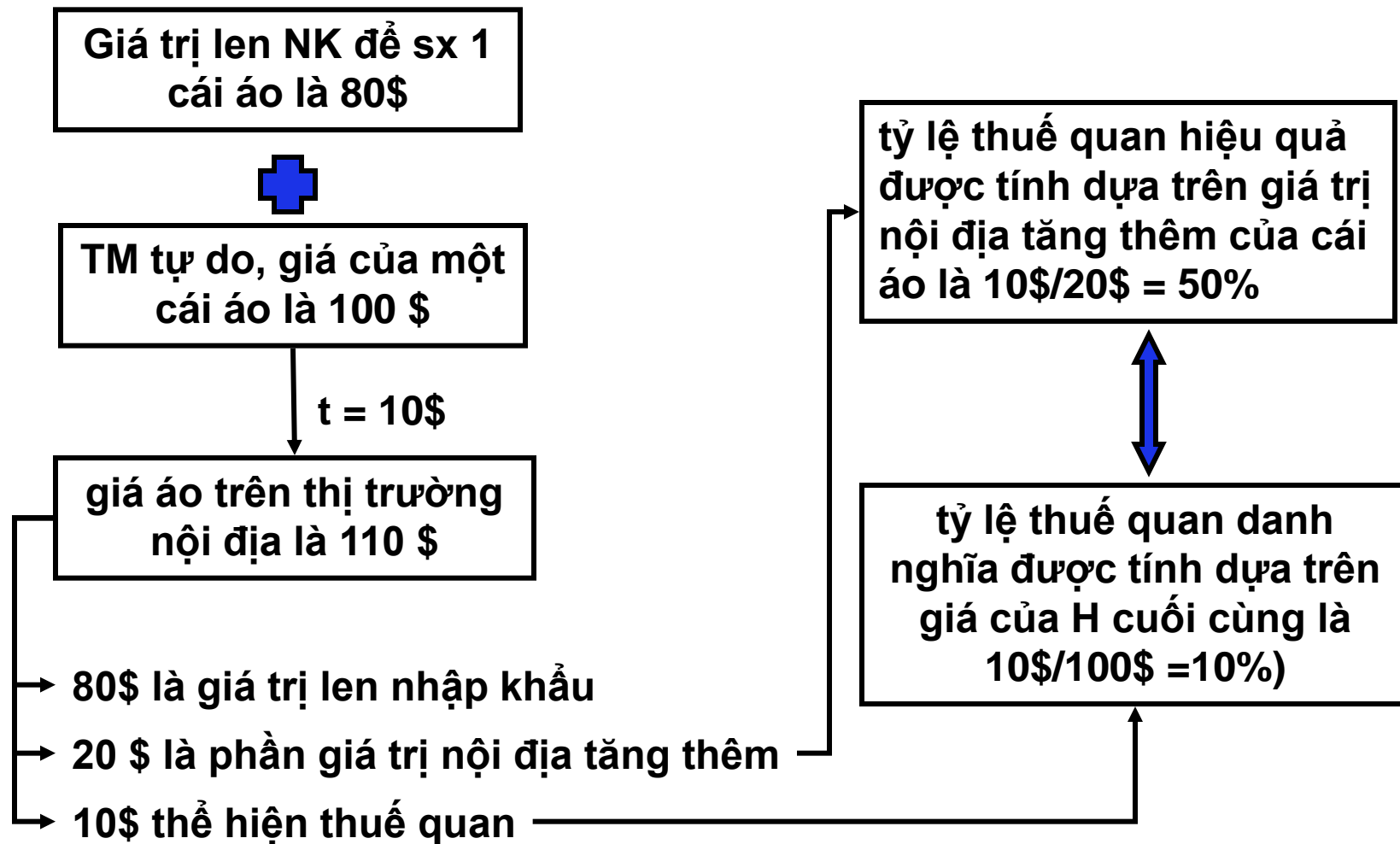
Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả: là tỷ lệ % giữa thuế quan danh nghĩa (được tính toán dựa trên giá trị của hàng hóa cuối cùng) và giá trị nội địa tăng thêm (bằng với mức giá của hàng hóa cuối cùng trừ đi chi phí của việc nhập khẩu các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa đó).

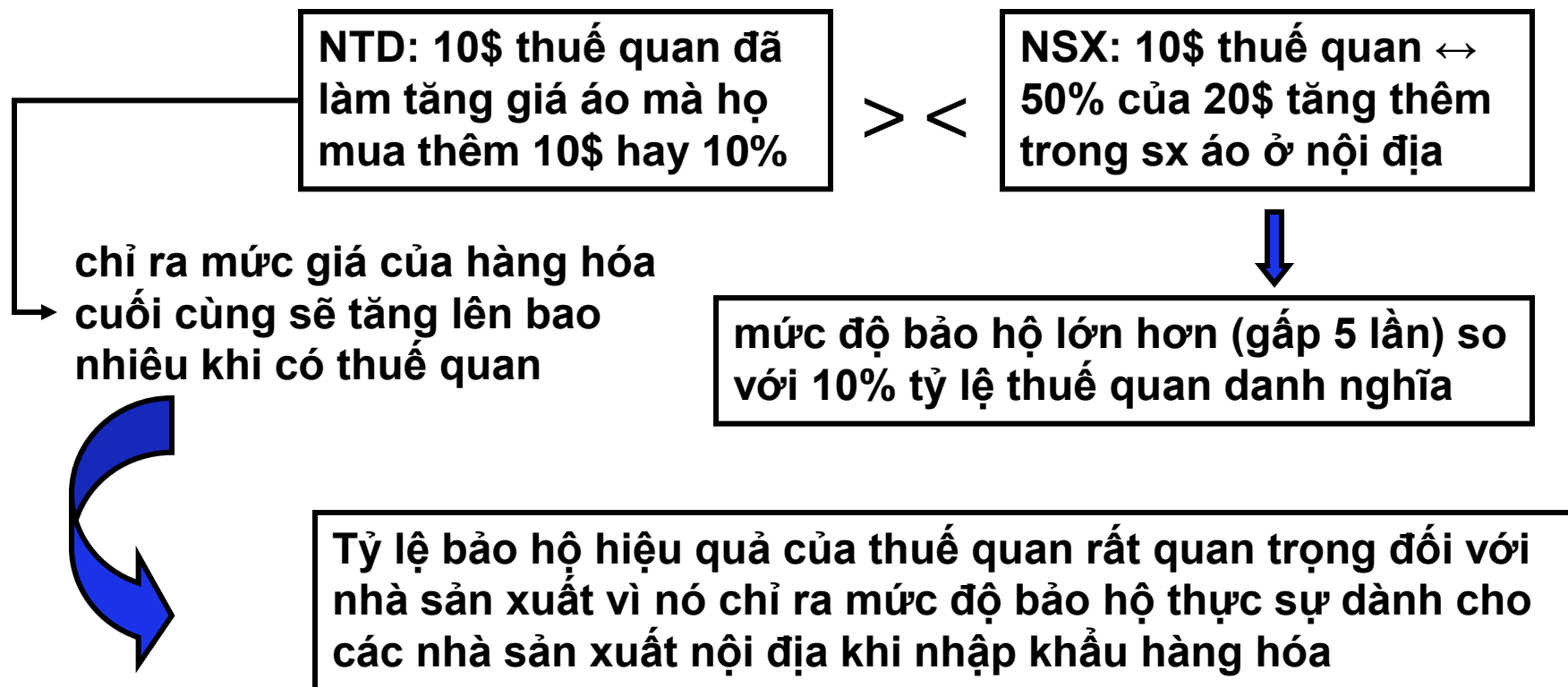
$$g = \frac{T}{V} = \frac{T}{P - C}$$

- **g**: tỷ lệ bảo hộ hiệu quả
- **T**: thuế quan danh nghĩa
- **P**: giá của hàng hóa cuối cùng
- **C**: chi phí của việc nhập khẩu các YTSX

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)



Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)



Lưu ý: bất cứ khi nào các yếu tố đầu vào được nhập khẩu tự do hay chịu mức thuế thấp hơn hàng hóa cuối cùng được sản xuất bằng các yếu tố đầu vào nhập khẩu đó, thì tỷ lệ bảo hộ hiệu quả sẽ vượt quá tỷ lệ thuế quan danh nghĩa.

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

$$g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} \quad (1)$$

Trong đó:

- g:** tỷ lệ bảo hộ hiệu quả đối với nhà sx H cuối cùng
- t:** tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đối với NTD H cuối cùng
- a_i:** tỷ lệ giữa chi phí của các yếu tố đầu vào NK và giá của H cuối cùng khi không có thuế quan
- t_i:** tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đánh vào yếu tố đầu vào NK

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

Trong ví dụ nêu trên, $t = 10\%$ hay $0,1$, $a_i = 0,8$ và $t_i = 0$

$$g = \frac{0.1 - 0.8 * 0}{1 - 0.8} = \frac{0.1}{0.2} = 0.5 = 50 \%$$

Nếu áp dụng thuế nhập khẩu 5% đối với các yếu tố đầu vào (nghĩa là $t_i = 0.05$) thì

$$g = \frac{0.1 - 0.8 * 0.05}{1 - 0.8} = \frac{0.1 - 0.04}{0.2} = \frac{0.06}{0.2} = 0.3 = 30 \%$$

Nếu $t_i = 10\%$,

$$g = \frac{0.1 - 0.8 * 0.1}{1 - 0.8} = \frac{0.1 - 0.08}{0.2} = \frac{0.02}{0.2} = 0.1 = 10 \%$$

Với $t_i = 20\%$,

$$g = \frac{0.1 - 0.8 * 0.2}{1 - 0.8} = \frac{0.1 - 0.16}{0.2} = \frac{-0.06}{0.2} = -0.3 = -30 \%$$

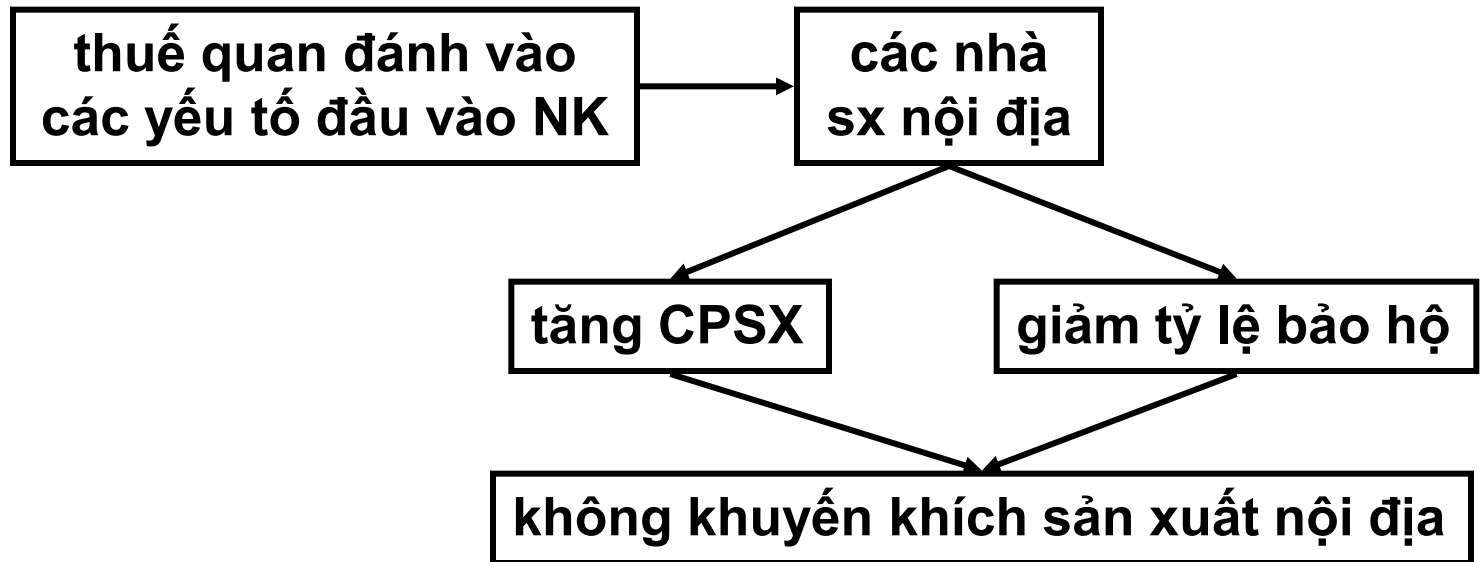
Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

$$g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} \quad (1)$$

1. Nếu $a_i = 0 \rightarrow g = t$
2. Với giá trị a_i và t_i cho trước, $g \uparrow \rightarrow t \uparrow$
3. Với giá trị t và t_i cho trước, $g \uparrow \rightarrow a_i \uparrow$
4. Giá trị của g vượt quá, bằng, hay nhỏ hơn t khi t_i nhỏ hơn, bằng, hoặc lớn hơn t
5. Khi $a_i t_i$ vượt quá t , $g < 0$

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

Lưu ý

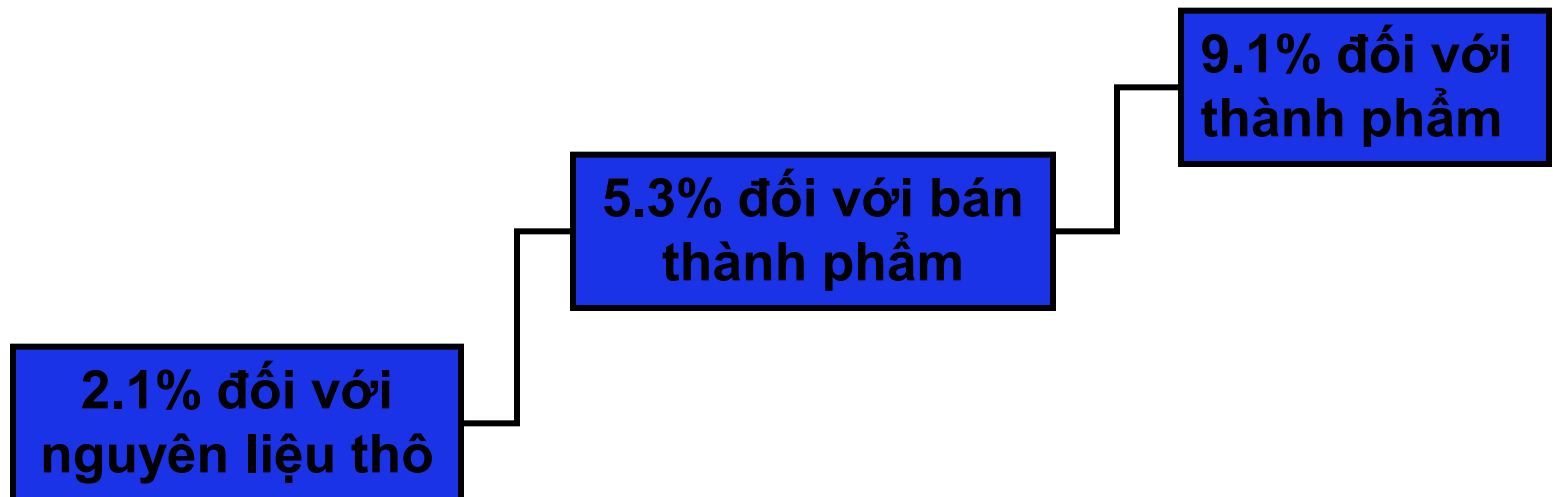


Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

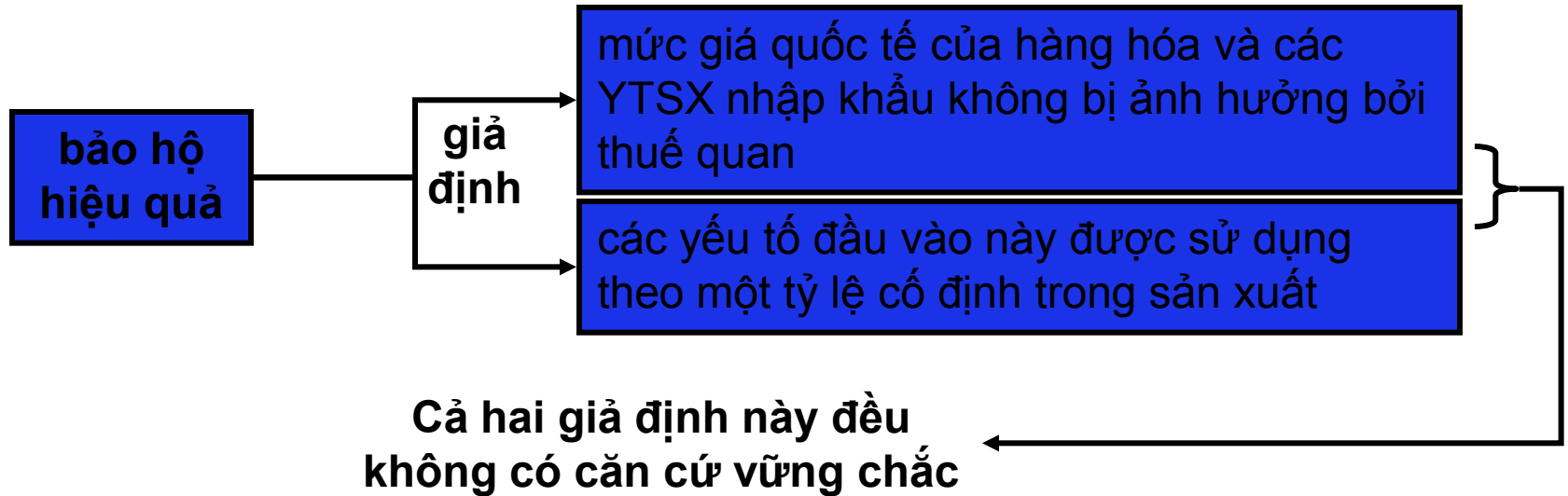
- ❖ t ko thể hiện được tỷ lệ bảo hộ thực sự cho các nhà sản xuất nội địa khi sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu.
- ❖ Các nước công nghiệp đều có cơ cấu thuế quan leo thang với t rất thấp hay bằng 0 đối với nguyên liệu thô và tỷ lệ ngày càng cao trong quá trình sản xuất (xem trường hợp 3) $\rightarrow g$ đối với H cuối cùng sử dụng các yếu tố đầu vào $n_k > t$.
- ❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả ở các nước công nghiệp thường được sử dụng nhiều nhất ở những hàng hóa sử dụng nhiều lao động đơn giản như dệt may - những ngành ở các nước ĐPT có lợi thế cạnh tranh, và đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của họ.

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)

- ❖ Các tỷ lệ thuế quan tăng dần cùng với quá trình sản xuất nội địa
- ❖ Trước khi kết thúc vòng đàm phán Uruguay vào năm 1993, ở hầu hết các nước công nghiệp, thuế quan nhập khẩu trung bình:



Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả (tiếp)



Ví dụ, khi giá của các yếu tố đầu vào nhập khẩu tăng do tác động của thuế quan, các nhà sản xuất nội địa thường sử dụng các yếu tố đầu vào khác ở nội địa hoặc nhập khẩu các yếu tố đầu vào khác rẻ hơn vào sản xuất.

Tuy nhiên, g vẫn tốt hơn tỷ lệ t trong việc ước lượng mức độ bảo hộ thực sự đối với các nhà sản xuất nội địa khi sản xuất sản phẩm thay thế nhập khẩu và đóng một vai trò quan trọng trong vòng đàm phán thương mại Uruguay

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả với nhiều yếu tố đầu vào

Mở rộng công thức (1) trong trường hợp có nhiều yếu tố đầu vào với nhiều mức thuế quan danh nghĩa khác nhau.

$$g = \frac{t - \sum a_i t_i}{1 - \sum a_i}$$

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả với nhiều yếu tố đầu vào (tiếp)

Hàng hóa	Áo len	Len	Kim đan
Mức giá khi thương mại tự do (USD)	100	60	10
Thuế nhập khẩu (%)	20	20	30
Mức giá sau thuế (USD)	120	72	13

- ❖ Giá trị bổ sung của áo len khi thương mại tự do
- ❖ Giá trị bổ sung của áo len dưới sự bảo hộ
- ❖ Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đối với áo len
- ❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả đối với áo len

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả với nhiều yếu tố đầu vào (tiếp)

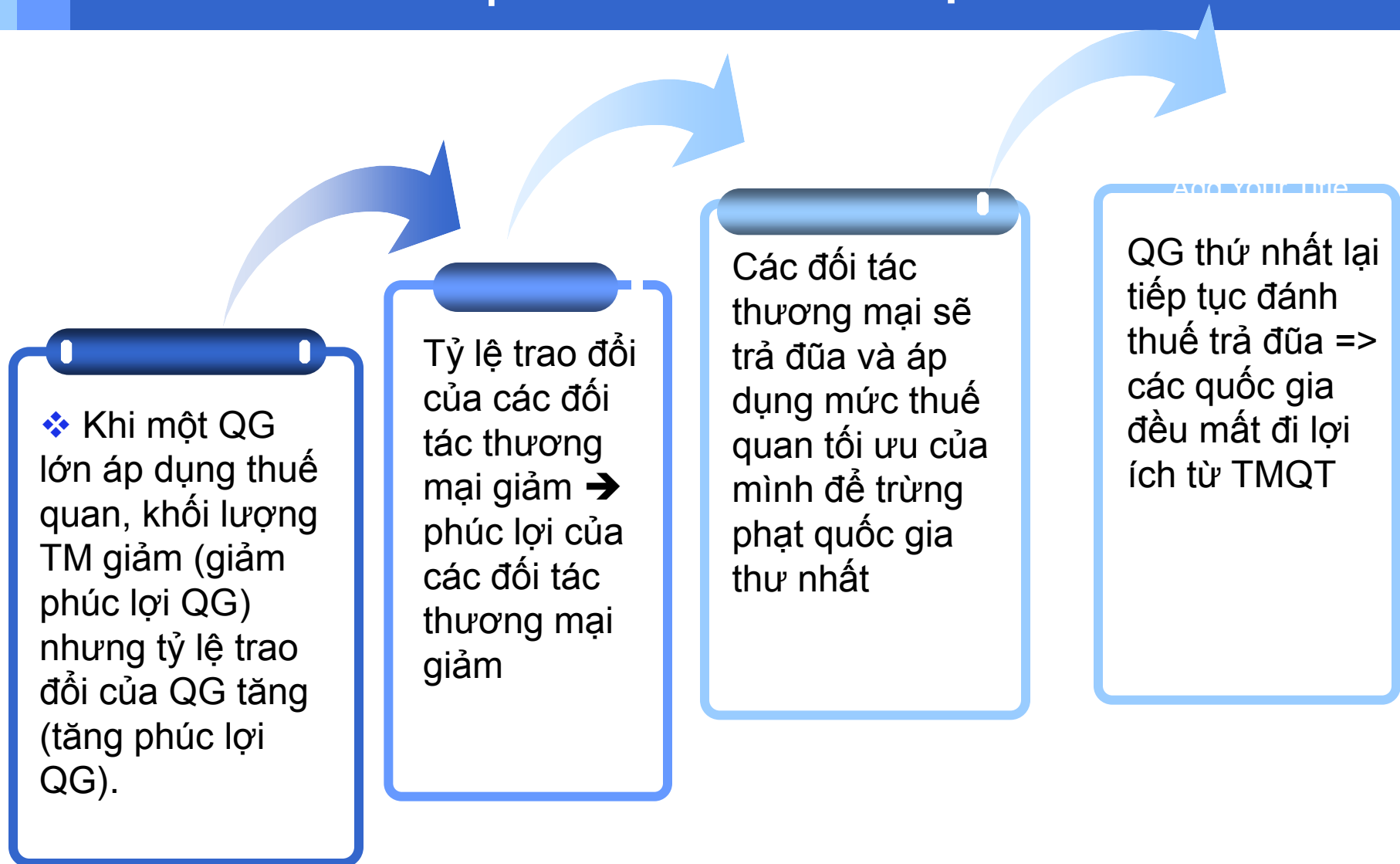
Hàng hóa	Áo len	Len	Kim đan
Mức giá khi thương mại tự do (USD)	100	60	10
Thuế nhập khẩu (%)	20	20	30
Mức giá sau thuế (USD)	120	72	13

- ❖ Giá trị bổ sung của áo len khi thương mại tự do là: **30 USD**
- ❖ Giá trị bổ sung của áo len dưới sự bảo hộ là **35 USD**
- ❖ Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đối với áo len là **20%**
- ❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả đối với áo len là **16.67%**

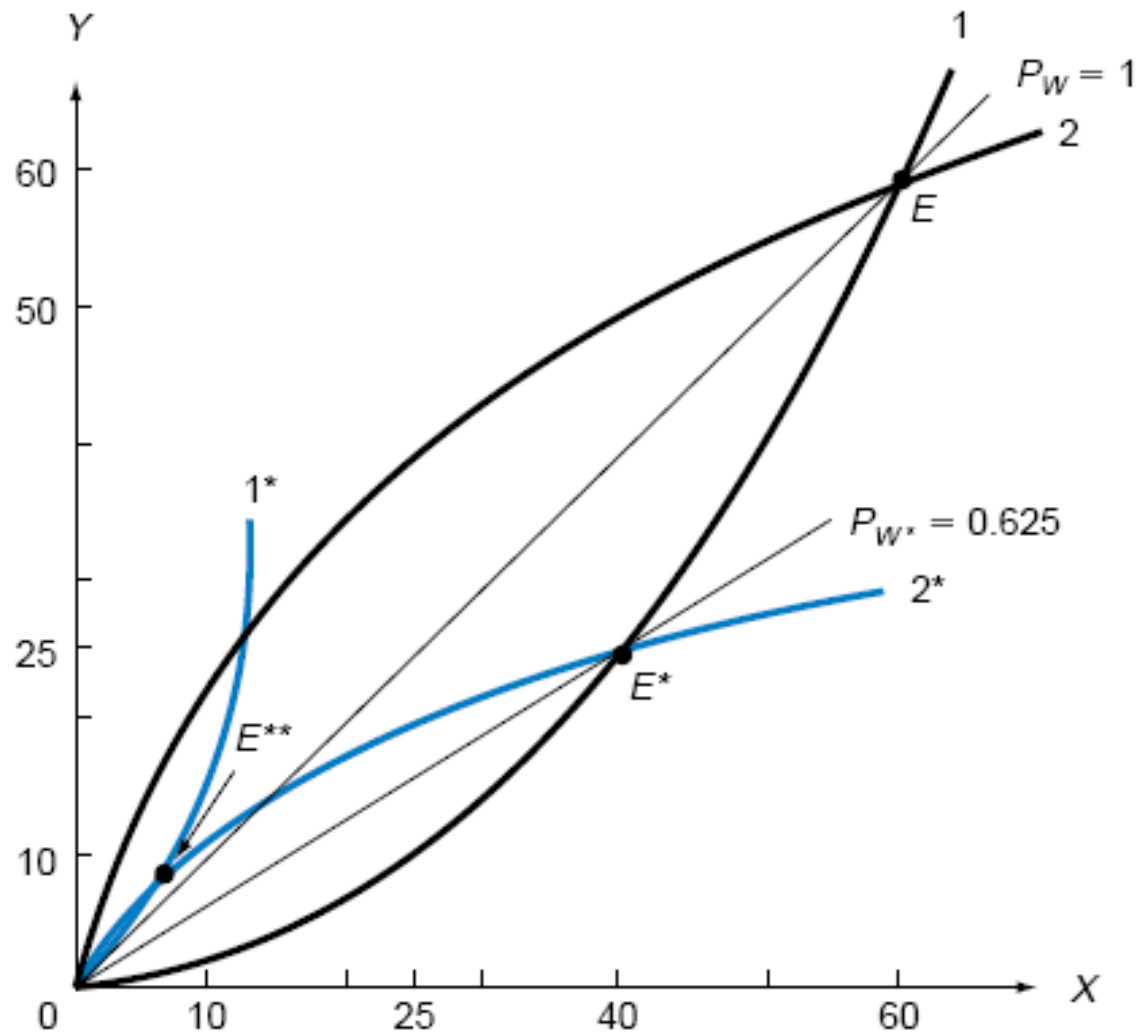
Khái niệm thuế quan tối ưu

- ❖ Thuế quan tối ưu là tỷ lệ thuế quan tối đa hóa lợi nhuận ròng bằng cách cải thiện tỷ lệ trao đổi chống lại sự giảm của khối lượng thương mại.
- ❖ Khi thương mại tự do, nếu QG tăng tỷ lệ thuế quan thì phúc lợi của QG này sẽ tăng lên đến mức tối đa (thuế quan tối ưu).
- ❖ Sau đó, phúc lợi của QG sẽ giảm dần khi tỷ lệ thuế quan tiếp tục tăng lên vượt quá mức tối ưu → QG sẽ quay trở lại điểm tự cấp tự túc với một mức thuế quan cấm đoán.

Thuế quan tối ưu và sự trả đũa



Thuế quan tối ưu và sự trả đũa (tiếp)



Thuế quan tối ưu và sự trả đũa (tiếp)

- ❖ Khi chưa đánh thuế:
 - Điểm cân bằng là E với $P_w=1$
- ❖ QG 2 đánh thuế quan tối ưu lên sản phẩm X nhập khẩu từ QG 1
 - Đường cong cung của QG2 tịnh tiến đến 2^*
 - Điểm cân bằng mới là E^* : $25Y = 40X$
 - Giá trị của X giảm
 - TOT của QG1 giảm từ 1 xuống còn 0,625
 - TOT của QG2 tăng từ 1 lên 1,6
 - Phần lợi tức của QG2 tăng do TOT tăng lớn hơn so với phần lợi tức giảm của QG2 do giảm khối lượng thương mại.

Thuế quan tối ưu và sự trả đũa (tiếp)

- ❖ QG 1 bị thiệt vì TOT giảm và khối lượng TM giảm.
- ❖ QG1 trả đũa bằng cách đánh thuế quan tối ưu lên sản phẩm Y nhập khẩu từ QG 2
 - Đường cong cung của QG1 tịnh tiến đến 1^*
 - Điểm cân bằng mới là E^{**} : $10Y = 5X$
 - TOT của QG 1 tăng
 - TOT của GQ2 giảm sút
 - Khối lượng thương mại đã giảm đi nhiều
 - Quá trình này tiếp tục cho đến khi cả 2 QG quay trở lại điểm ban đầu là sản xuất tự cấp tự túc.
 - Cả 2 QG đều bị mất đi lợi ích của TMQT.

3.2.2. Các hàng rào TM phi thuế quan và các khía cạnh kinh tế của CSTM

3.2.2.1: Các hàng rào TM phi thuế quan

a. Định lượng

b. Những hàng rào phi thuế quan không định lượng

3.2.2.2. Các chính sách nội địa bổ sung ảnh hưởng đến TM

a. Từ phía Chính phủ

b. Từ phía Doanh nghiệp

3.2.2.3. Các khía cạnh kinh tế của chính sách TM

a. Lý lẽ về chính sách bảo hộ TM

b. Chính sách thương mại làm giảm đói nghèo

Các Hàng rào phi thuế quan

- ❖ Là bất kỳ hàng rào nào không phải là thuế quan làm méo mó luồng hàng hóa tự do qua biên giới quốc gia.
- ❖ Ví dụ:
 - Hạn ngạch
 - Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
 - Carten quốc tế
 - Các quy định về môi trường, lao động...

Hạn ngạch – Khái niệm

- ❖ *Hạn ngạch (quotas)* là rào cản thương mại phi thuế quan quan trọng nhất.
- ❖ Đây là biện pháp *trực tiếp* hạn chế số lượng hàng hoá được phép nhập khẩu hay xuất khẩu vào quốc gia trong một thời kỳ nhất định.

Vai trò của hạn ngạch

bảo hộ thị trường nội địa

**các nước công nghiệp PT:
bảo hộ ngành công nghiệp**

**các nước ĐPT: kk sx thay thế NK
và cân bằng cán cân thanh toán**

thực hiện phân biệt đối xử

quan hệ buôn bán

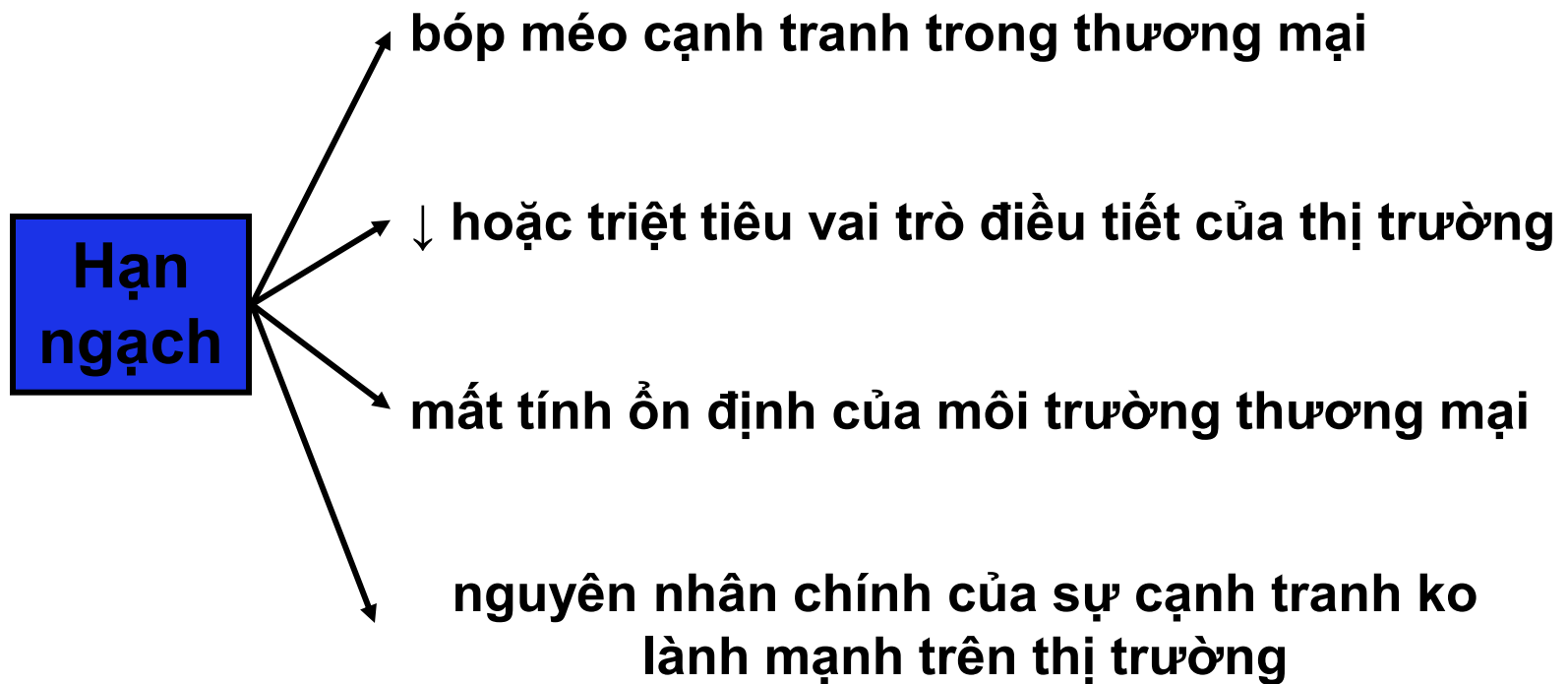
gây áp lực đối với các đối thủ cạnh tranh

điều tiết quan hệ cung cầu

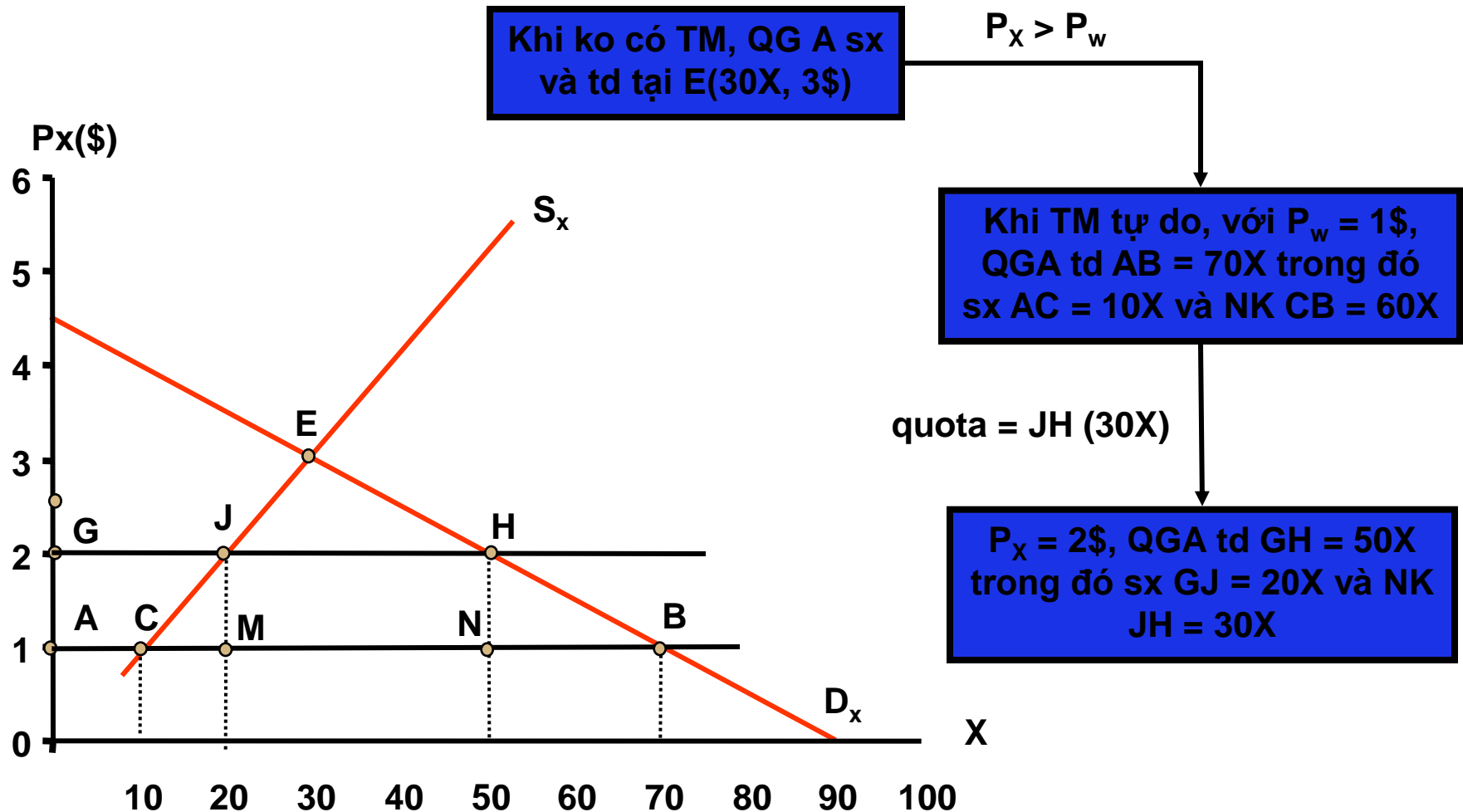
những sp xk và nk quan trọng

trên những thị trường chiến lược

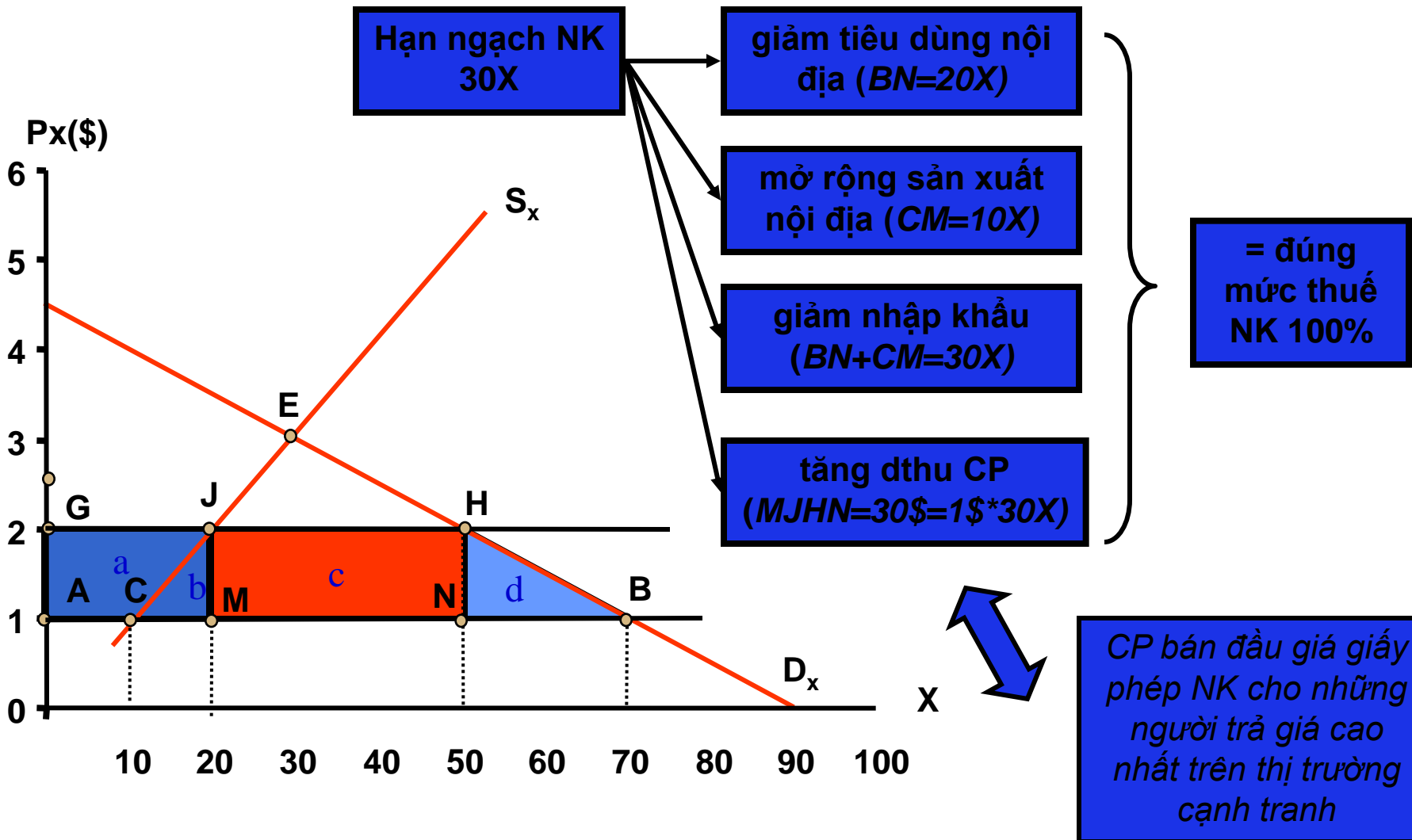
Hạn chế của hạn ngạch nhập khẩu



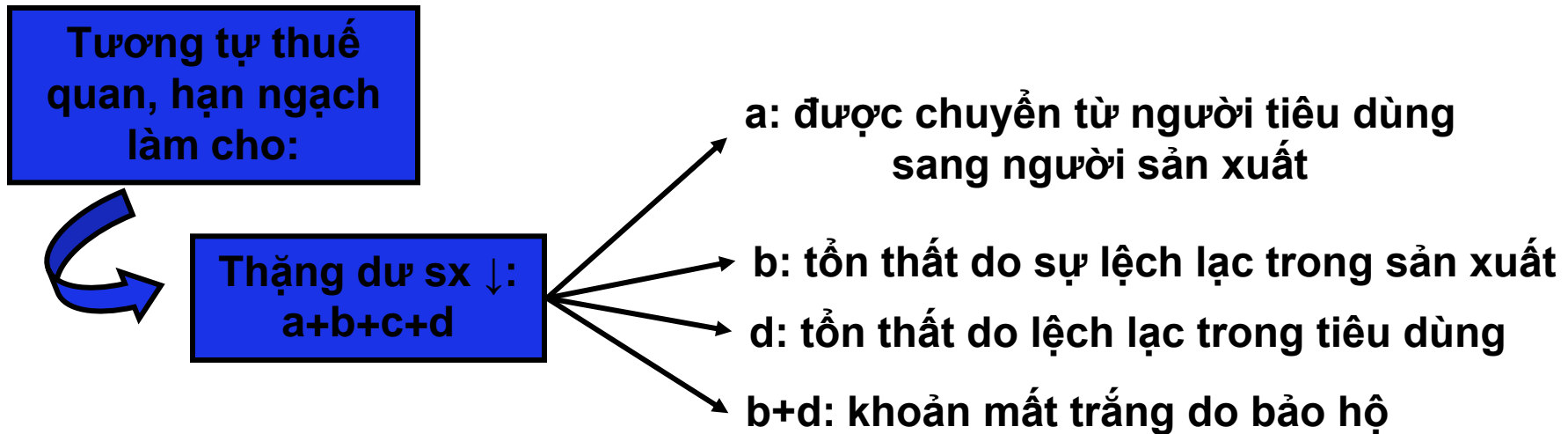
Tác động của hạn ngạch nhập khẩu



Tác động của hạn ngạch nhập khẩu (tiếp)



Tác động của hạn ngạch nhập khẩu (tiếp)

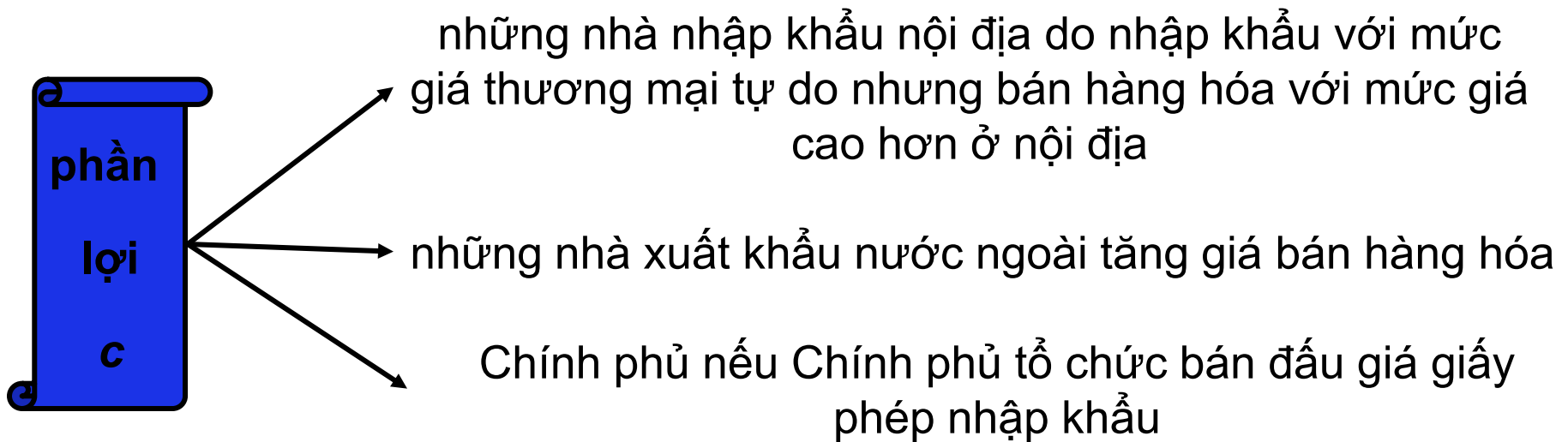


Vấn đề đặt ra là phần lợi c
- *tiền thuê hạn ngạch* - sẽ
thuộc về ai?



Tiền thuê hạn ngạch sẽ
thuộc về những người
có giấy phép NK

Tác động của hạn ngạch nhập khẩu (tiếp)



Tác động của hạn ngạch nhập khẩu

	Không có TM	TM tự do	Hạn ngạch	Tác động
Q_S	30	10	20	Tăng
Q_D	30	70	50	Giảm
Q_I	0	60	30	Giảm
P_X	3	1	2	Tăng

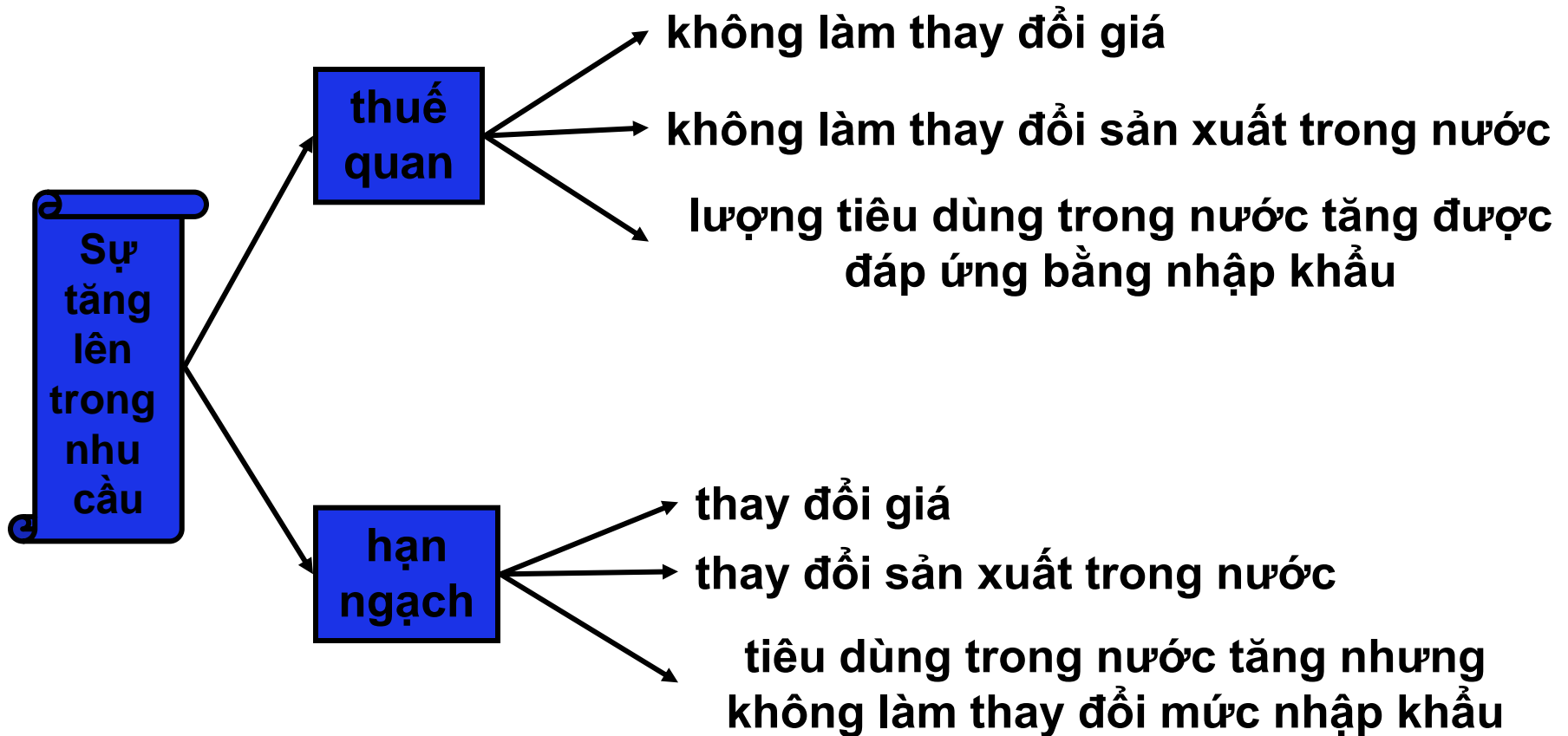
Đặc điểm của hạn ngạch

- ❖ Hạn ngạch nhập khẩu luôn luôn nâng giá hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa.
- ❖ Hạn ngạch khống chế mức tối đa lượng hàng hóa được phép xuất khẩu và nhập khẩu; thường bị quy định thời gian theo năm, tháng, quý và tùy vào đặc điểm kinh tế của từng nước mà quy định danh mục những hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu quản lý bằng hạn ngạch

Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch

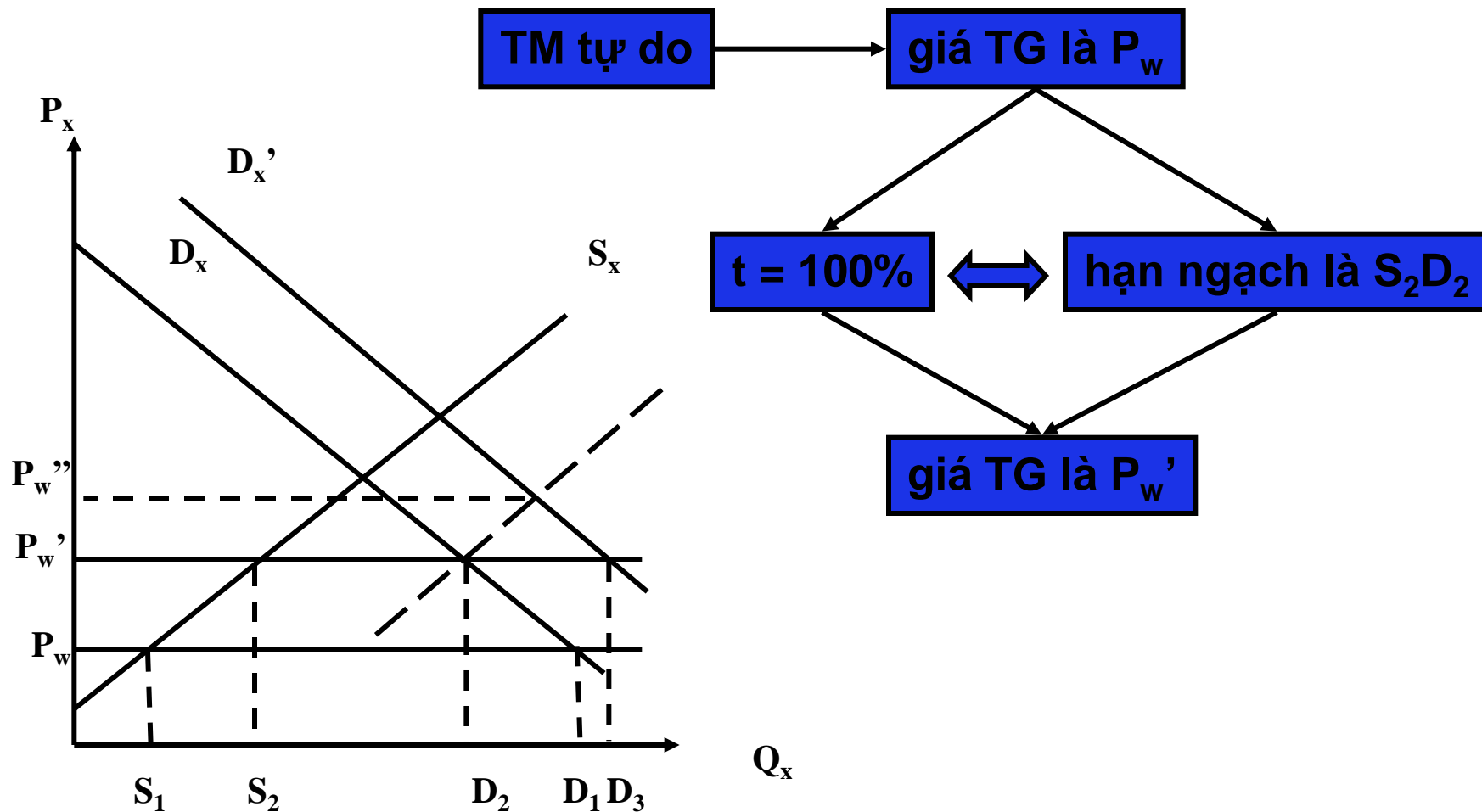
- ❖ Với một mức hạn ngạch của hàng hóa X cho trước, sự tăng lên trong cầu về hàng hóa X sẽ dẫn tới sự tăng lên trong giá của hàng hóa X tại thị trường nội địa lớn hơn so với mức thuế quan tương đương
- ❖ Hạn ngạch có liên quan chặt chẽ đến việc phân phối giấy phép hạn ngạch. Điều này dễ làm nảy sinh các tiêu cực xã hội
- ❖ Hạn ngạch nhập khẩu giới hạn mức độ nhập khẩu cụ thể trong khi các ảnh hưởng thương mại của thuế quan có thể là không chắc chắn.

Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)

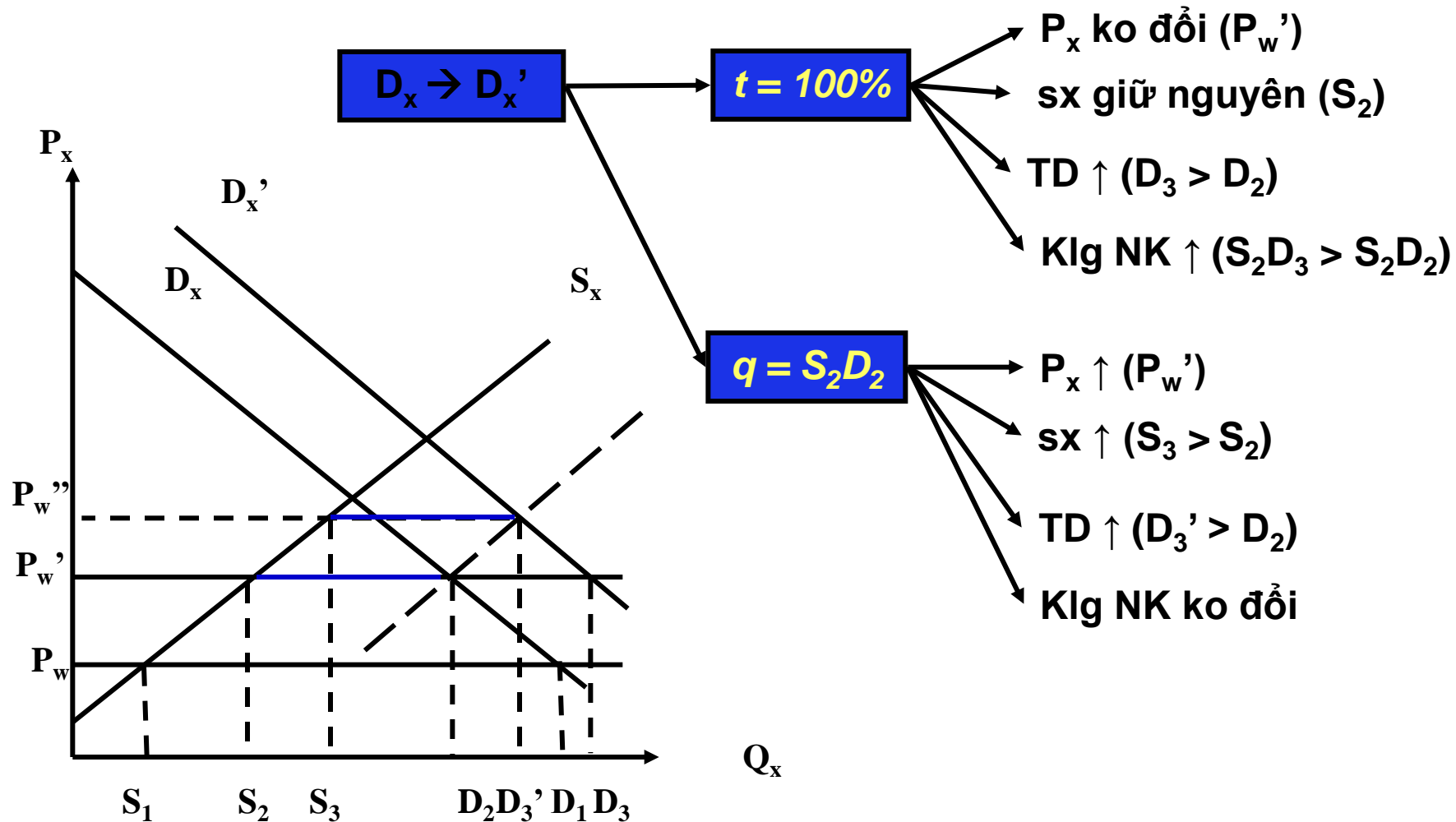


ví dụ

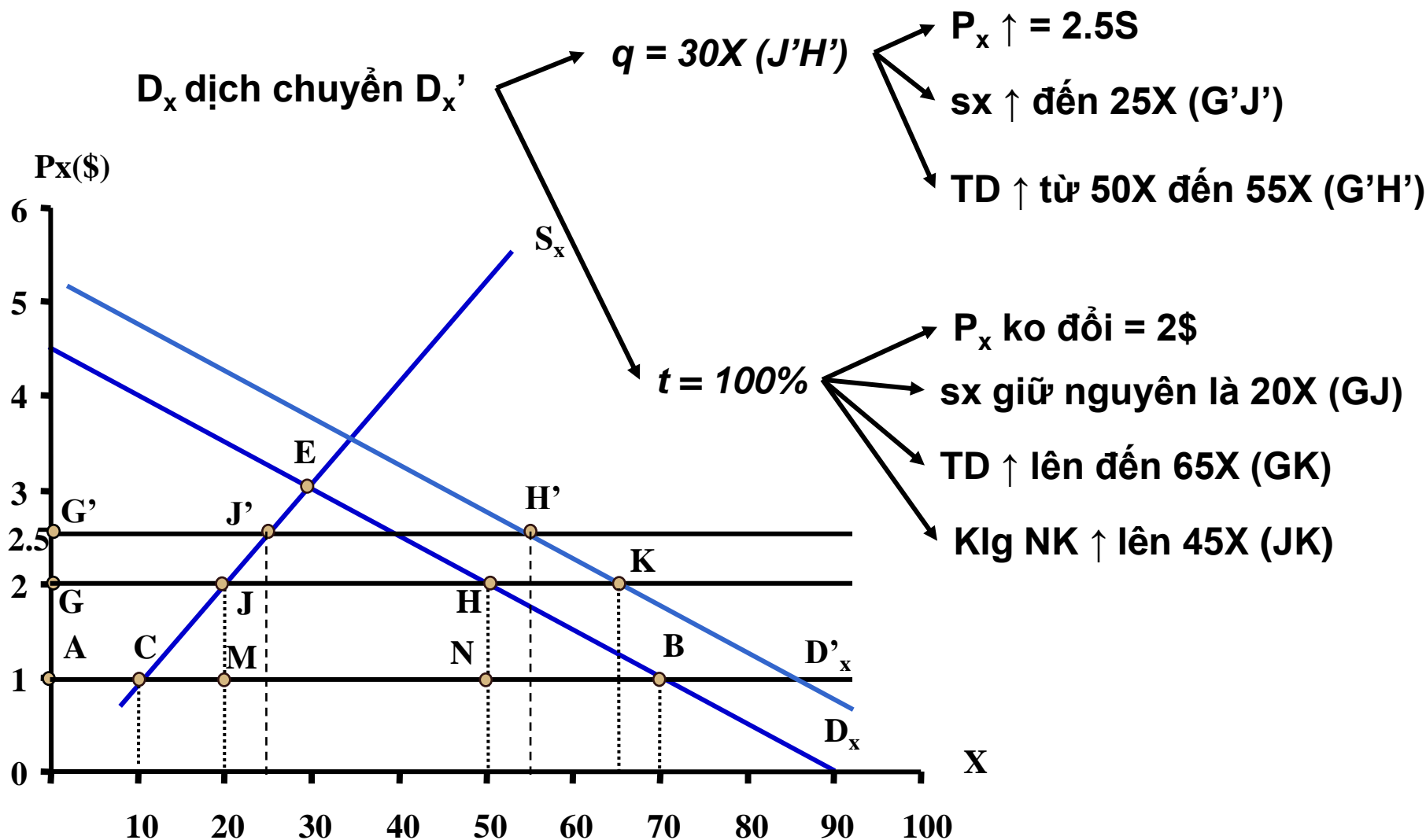
Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)



Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)

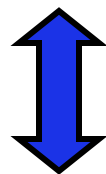


Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)



Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)

Với một mức hạn ngạch cho trước, việc tăng lên trong cầu sẽ dẫn tới sự tăng lên trong giá H trên thị trường nội địa và sx trong nước sẽ tăng nhiều hơn so với mức thuế quan tương đương



Với một mức thuế quan nhập khẩu cho trước, việc tăng lên trong cầu sẽ dẫn tới giá và sản xuất nội địa không thay đổi nhưng làm tăng tiêu dùng và nhập khẩu so với mức hạn ngạch tương đương

Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)

❖ **Hạn ngạch có liên quan chặt chẽ đến việc phân phối giấy phép hạn ngạch → dễ làm nảy sinh các tiêu cực xã hội**

❖ **Nếu chính phủ không bán đấu giá những giấy phép đó trên thị trường cạnh tranh thì sẽ có một số người sẵn sàng bỏ tiền ra để vận động, hối lộ các quan chức cp để có được giấy phép nk, hoặc để được chính phủ cho phép quyền cấp hạn ngạch.**

Sự khác nhau giữa thuế quan và hạn ngạch (tiếp)

❖ Hạn ngạch NK giới hạn mức độ NK cụ thể trong khi các ảnh hưởng TM của thuế quan có thể là không chắc chắn. Nguyên nhân:

- ❖ Do mức độ co giãn của đường cung và đường cầu thường rất khó xác định → gây khó khăn có việc dự đoán mức thuế quan NK để hạn chế NK với một số lượng nhất định.
- ❖ Các nhà XK nước ngoài có thể chấp nhận tất cả hoặc một phần của thuế quan bằng việc tăng hiệu quả hoạt động hoặc chấp nhận mức lợi nhuận thấp hơn → việc giảm số lượng NK thực tế có thể ít hơn so với dự đoán. *Lưu ý đến giá hàng hóa của nước ngoài.*
- ❖ Các nhà XK không thể làm như vậy với hạn ngạch. Vì số lượng NK được phép vào một QG được xác định rõ ràng bằng hạn ngạch.

→ đối với thuế là tác động về giá còn hạn ngạch tác động vào định lượng. Nhà NK thu lợi nhiều hơn nhưng người tiêu dùng lại bị thiệt.



HẠN CHẾ XUẤT KHẨU TỰ NGUYỆN

Khái niệm

- ❖ Từ những năm 1950: Mỹ, EU và một số nước công nghiệp khác đã tiến hành thương lượng về hạn chế xuất khẩu tự nguyện để bảo vệ sản xuất của nước mình trước các mặt hàng xuất khẩu như dệt may, thép, các sản phẩm điện tử, ô tô, và các sản phẩm khác đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, và các QG khác.

Khái niệm (tiếp)

- ❖ Hạn chế xuất khẩu tự nguyện là một hiệp định tự nguyện giữa các nhà cung ứng nước ngoài với Chính phủ nước chủ nhà để hạn chế số lượng xuất khẩu một mặt hàng nào đó vào nước này.
- ❖ Là một loại hình quota nhập khẩu tự nguyện
- ❖ Tác động của hạn chế xuất khẩu tự nguyện: giống hạn ngạch nhập khẩu tương đương

VERs ô tô của Nhật Bản vào thị trường Mỹ

Thực tế,
1977 - 1981

ngành công nghiệp
ô tô của Mỹ

sụt giảm 1/3

thị phần nk tăng từ 18% lên 29%

300,000 công nhân bị mất việc làm

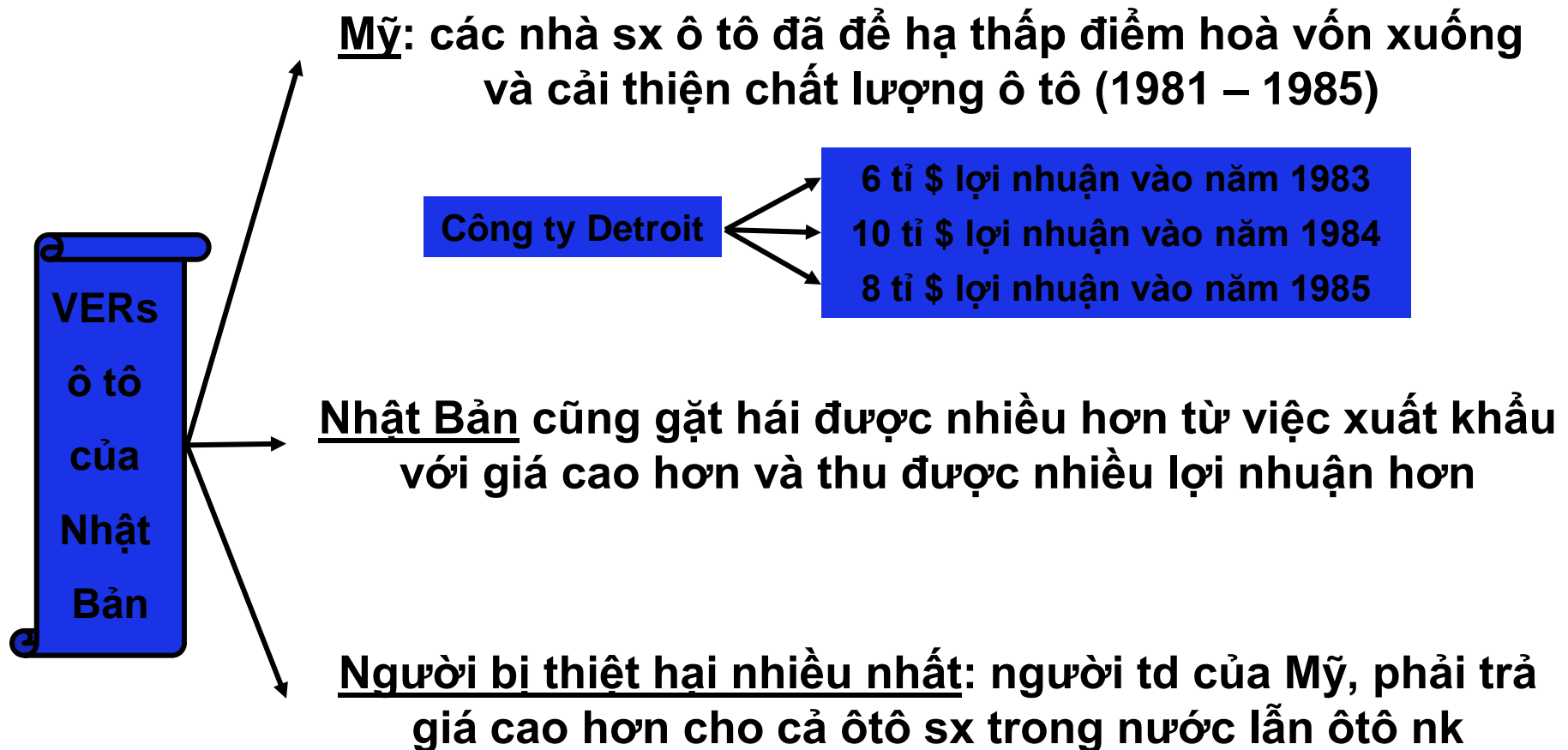
Mỹ thương lượng với Nhật Bản:
Nhật sẽ hạn chế xk ô tô vào Mỹ

1981 – 1983:
1,68 triệu cái/năm

1984 – 1985:
tất cả là 1,85 triệu

➔ Nhật Bản đã «đồng ý» hạn chế xk ô tô vào thị trường Mỹ
vì sợ rằng Mỹ sẽ tiếp tục hạn chế xk nghiêm ngặt thêm

VERs ô tô của Nhật Bản vào thị trường Mỹ (tiếp)





CÁC-TEN QUỐC TẾ

Khái niệm

❖ Các-ten quốc tế

- Một tổ chức gồm các nhà cung cấp hàng hóa có trụ sở ở nhiều quốc gia khác nhau (hoặc là nhóm một số chính phủ) thoả thuận hạn chế đầu ra và xuất khẩu hàng hoá nhằm tối đa hoá lợi nhuận hay tăng tổng lợi nhuận của tổ chức.
- Quyền lực của các-ten *quốc tế* không dễ có thể cản trở được bởi vì nó không chịu điều chế bởi quyền lực pháp lí của một quốc gia duy nhất nào.



Ví dụ

- ❖ OPEC (Organization of Petroleum Exporting Countries: Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ) - hạn chế sản xuất và xuất khẩu đã làm tăng giá dầu thô lên bốn lần từ năm 1973 đến 1974.
- ❖ International Air Transport Association, là một các-ten gồm những công ty hàng không lớn nhất hàng năm họp nhau lại để cùng nhau đưa ra mức cước phí hàng không và các chính sách.

Đặc điểm

❖ Một tổ chức các-ten quốc tế dễ thành công hơn nếu chỉ gồm một số ít những nhà cung cấp quốc tế về một mặt hàng chủ yếu và không có hàng thay thế.

- OPEC thoả mãn tốt các yêu cầu này trong những năm 1970. Nhưng sau đó, tổ chức này tập hợp quá nhiều nhà cung cấp cho nên khó tổ chức thành một các-ten hiệu quả.
- Khi các hàng thay thế sẵn có thì cố gắng hạn chế đầu ra và xuất khẩu nhằm tăng giá và tăng lợi nhuận chỉ làm cho người mua chuyển sang mua hàng thay thế.

➔ Sẽ chỉ là thất bại khi nỗ lực thành lập các-ten quốc tế về các mặt hàng khoáng sản không phải là dầu mỏ, thiếc và các sản phẩm nông nghiệp khác không phải là đường, cà phê, cacao và cao su.



CÁC QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT, HÀNH CHÍNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Quy định về kỹ thuật

Quy định về an toàn đối với mặt hàng ô tô, và thiết bị điện

Quy định về sức khỏe đối với các sản phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe con người: lương thực, thực phẩm

Các yêu cầu về nhãn mác: phải cung cấp thông tin về xuất xứ và nội dung hàng hóa

Phần lớn

mục đích chính đáng

một số

chỉ là các hình thức giả danh để hạn chế nk

Quy định hành chính

- ❖ Quy định hành chính được thiết kế nhằm gây khó khăn cho hàng hóa nhập khẩu
- ❖ Ví dụ: Nhật Bản
 - Củ tuy líp
 - Federal Express (Chuyển phát nhanh)
- ❖ Tác động:
 - Làm lợi cho các nhà sản xuất nội địa
 - Gây thiệt hại cho người tiêu dùng

Các điều khoản thu mua của Chính phủ

- ❖ Các điều khoản hạn chế việc các cơ quan Chính phủ trong nước mua các sản phẩm của nước ngoài.
- ❖ Ví dụ: Luật mua hàng hóa của Mỹ quy định “các cơ quan Chính phủ liên bang phải mua hàng hóa của các công ty Mỹ trừ khi giá của các công ty này cao hơn 6% so với hàng hóa nước ngoài”.



BÁN PHÁ GIÁ

Khái niệm

- ❖ Rào cản thương mại cũng có thể xuất phát từ bán phá giá.
- ❖ Bán phá giá có nghĩa là xuất khẩu một mặt hàng nào đó dưới mức chi phí của nó hoặc bán ra nước ngoài với giá thấp hơn giá bán nội địa.
- ❖ Bán phá giá là bán hàng hóa ra nước ngoài với giá thấp hơn giá trị thị trường hợp lý của sản phẩm.
- ❖ Sự khác nhau trong 2 định nghĩa trên?
 - Ví dụ về cá tra và ba sa của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ.

Phân loại

❖ Phân loại:

- bán phá giá dai dẳng
- bán phá giá cướp bóc
- bán phá giá không thường xuyên.

❖ **Bán phá giá dai dẳng**

- Sự phân biệt giá quốc tế
- Nhà sản xuất *luôn luôn* có xu hướng tối đa hoá tổng lợi nhuận bằng cách **thường xuyên** bán hàng trên thị trường nước ngoài với mức giá thấp hơn mức giá ở thị trường nội địa.

Phân loại (tiếp)

❖ Bán phá giá cướp bóc

- **Tam thời** bán với giá thấp hơn chi phí hoặc thấp hơn giá nước ngoài nhằm mục đích làm cho những nhà sản xuất nước ngoài phải rời khỏi ngành
- **Sau đó tăng giá bán lên** để tận dụng lợi thế độc quyền vừa mới có trên thị trường nước ngoài.

❖ Bán phá giá không thường xuyên

- Bán hàng **theo cơ hội** ở mức giá thấp hơn chi phí hoặc bán ra nước ngoài với giá thấp hơn so với giá trong nước nhằm mục đích **giải quyết một số hàng hoá tam thời dư thừa** mà không lường trước được để không phải hạ giá bán trong nước xuống.

Ví dụ bán phá giá

- ❖ Nhật Bản: đã bị buộc tội là bán phá giá thép và vô tuyến ở Hoa Kỳ
- ❖ Các nước Châu Âu: bị buộc tội bán phá giá xe hơi, thép và một số sản phẩm khác.
- ❖ Nhiều các quốc gia công nghiệp, đặc biệt là các quốc gia công nghiệp thành viên của Liên minh Châu Âu: có xu hướng bán phá giá liên tục các hàng hoá nông nghiệp sản xuất theo các chương trình trợ giúp nông trang.
- ❖ Việt Nam, Thái Lan và một số nước Đông Nam Á khác: bị kiện bán phá giá tôm

Ví dụ bán phá giá (tiếp)

- ❖ Việt Nam: bị kiện bán phá giá cá da trơn sang thị trường Mỹ
- ❖ Khi bị chứng minh được là bán phá giá, quốc gia hay hãng vi phạm thường giải quyết bằng cách nâng giá lên (như trường hợp của Volkswagen năm 1976, các nhà xuất khẩu TV Nhật Bản năm 1977) hơn là chọn giải pháp trả thuế chống phá giá.
- ❖ Năm 1980, mới chỉ có tám nước có luật chống bán phá giá; cuối 1998, đã có 86 nước có luật chống bán phá giá (trong đó có nhiều nước đang phát triển).



TRỢ CẤP XUẤT KHẨU

Khái niệm

❖ Trợ cấp xuất khẩu:

- Trợ cấp tiền trực tiếp hoặc trợ giúp của chính phủ
- Cho những người xuất khẩu hoặc sản xuất hàng xuất khẩu của một quốc gia
- Nhằm khuyến khích xuất khẩu

❖ Mỹ: Chương trình khuyến khích xuất khẩu

❖ Việt Nam

- Ví dụ: Rice : 180đ/ USD xuất khẩu; thịt lợn : 900đ/ USD.

❖ Mỹ trợ cấp mỗi năm là 10 tỉ USD/năm cho nông dân trồng ngô, EU khoảng 870 triệu euro cho mía đường...

Ví dụ về trợ cấp xuất khẩu

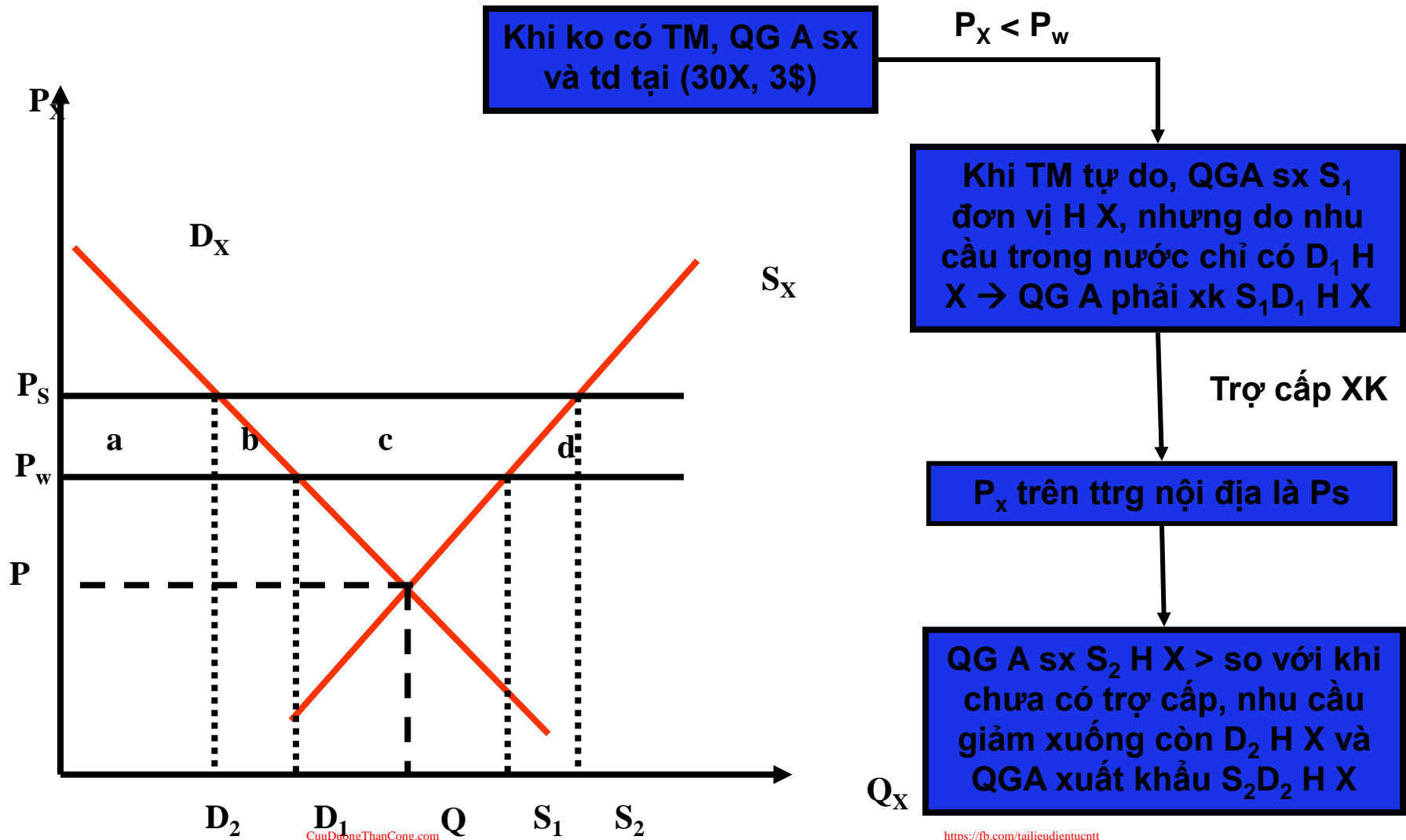
- Trợ cấp xuất khẩu nông sản Việt Nam:
 - Năm 1998, trợ cấp xuất khẩu cho dứa đóng hộp xuất sang Mỹ
 - Hỗ trợ lãi suất ưu đãi (0,2%/tháng) cho các doanh nghiệp xuất khẩu một số nông sản
 - Hỗ trợ lãi suất mua gạo dự trữ tạm thời, bồi thường lỗ xuất khẩu gạo
 - Hỗ trợ lãi suất mua cà phê dự trữ tạm thời, bồi thường lỗ do xuất khẩu cà phê giai đoạn 1999-2000
 - Hỗ trợ xuất khẩu dứa, dưa chuột, mận đóng hộp và thịt lợn

Ví dụ về trợ cấp xuất khẩu (tiếp)

- Việt Nam

- Từ năm 2003 chuyển dần theo hướng phù hợp hơn với các quy định của WTO
- Chưa áp dụng hai loại trợ cấp xuất khẩu được phép áp dụng (hỗ trợ phí vận tải trong và ngoài nước, và chi phí xúc tiến thương mại)
- Theo Trung tâm vì Tiến bộ Nông thôn, Việt Nam chỉ cấp khoảng 1.103 tỷ VND (73,5 triệu USD) mỗi năm cho trợ cấp xuất khẩu trong thời kỳ 1999-2001. Con số này thật không đáng kể bên cạnh con số mà các nước giàu trợ cấp xuất khẩu và cấp tín dụng xuất khẩu ưu đãi.
- Mỹ trợ cấp mỗi năm là 10 tỉ USD/năm cho nông dân trồng ngô, EU khoảng 870 triệu euro cho mía đường...

Phân tích tác động của trợ cấp xuất khẩu



Phân tích tác động của trợ cấp xuất khẩu (tiếp)

❖ So với trước khi có trợ cấp xuất khẩu:

- sản xuất nội địa tăng (từ S_1 lên S_2)
- tiêu dùng giảm (từ D_1 xuống D_2)
- xuất khẩu tăng từ S_1D_1 lên S_2D^2

❖ Phúc lợi xã hội

- Tổn thất của người tiêu dùng: $a + b$
- Khoản lợi của nhà sản xuất: $a + b + c$
- Trợ cấp của chính phủ: $b + c + d$
- Thiệt hại ròng của xã hội: $b + d \Rightarrow$ Đây là những tổn thất do sự lệch lạc trong tiêu dùng và trong sản xuất khi có trợ cấp xk

→ Trợ cấp xuất khẩu sẽ dẫn tới phí tổn cao hơn lợi ích.

Cảm ơn!

